

TRẦN LAM GIANG

65 ĐỀ ÔN LUYỆN GIỮA HỌC KỲ I

Toán ^{Lớp} 3

THEO ĐỊNH HƯỚNG
PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

SACHHOC.COM



TỦ SÁCH LUYỆN THI

TRẦN LAM GIANG

**65 ĐỀ ÔN LUYỆN GIỮA HỌC KỲ I
MÔN TOÁN LỚP 3**

Thời gian mỗi đề 40 phút

ĐỀ SỐ 1

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Bài 1: (0,5 điểm) Kết quả của phép tính $56 : 7 = ?$

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Bài 2: (1 điểm) Mẹ hái được 42 quả cam, mẹ biếu bà $\frac{1}{6}$ số cam. Số cam mẹ biếu bà là:

A. 21 quả cam

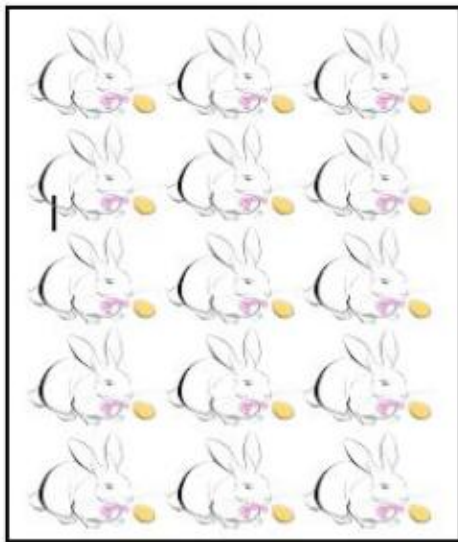
B. 12 quả cam

C. 14 quả cam

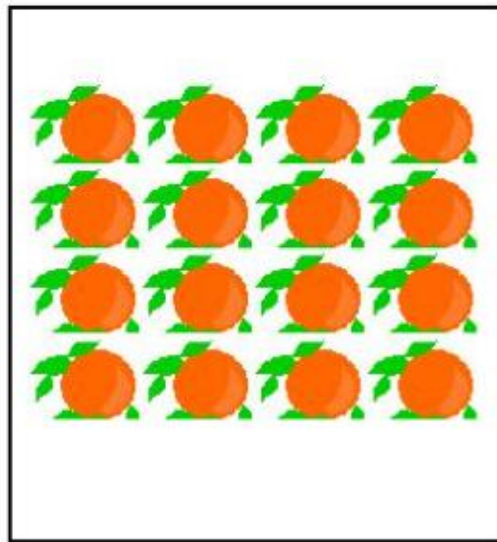
D. 7 quả cam

Bài 3: (1 điểm) Hãy khoanh vào:

a) $\frac{1}{3}$ Số con thỏ:



b) $\frac{1}{4}$ Số quả cam



Bài 4: (0,5 điểm) $6\text{dm } 4\text{mm} = \dots \text{ mm}$. Số cần điền vào chỗ trống là:

A. 64

B. 60

C. 604

D. 640

Bài 5: (1 điểm) Đúng ghi Đ. Sai ghi S

a)
$$\begin{array}{r} 80 \overline{) 4} \\ 8 \overline{) 2} \\ \hline 0 \end{array}$$
 ☐

b)
$$\begin{array}{r} 45 \overline{) 5} \\ 45 \overline{) 9} \\ \hline 0 \end{array}$$
 ☐

c)
$$\begin{array}{r} 48 \overline{) 6} \\ 42 \overline{) 7} \\ \hline 6 \end{array}$$
 ☐

d)
$$\begin{array}{r} 19 \overline{) 2} \\ 16 \overline{) 8} \\ \hline 3 \end{array}$$
 ☐

Bài 6:a) Vẽ một đoạn thẳng AB dài 4cm

.....

b) Vẽ đoạn thẳng CD dài gấp đôi (gấp 2) đoạn thẳng AB:

.....

B. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

32×3

36×4

$87 : 3$

$72 : 4$

.....

.....

.....

Bài 2: (1 điểm)

Trong tháng thi đua chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam, bạn Nam đạt được 6 điểm mười, số điểm mười của bạn Nga gấp 3 lần số điểm mười của bạn Nam. Hỏi bạn Nga được bao nhiêu điểm mười?

Tóm tắt

.....
.....
.....

Giải

.....
.....
.....

Bài 3: (1 điểm)

Trong lớp có 27 học sinh, trong đó có số học sinh gấp 3 lần số học sinh giỏi. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh giỏi?

Giải

.....
.....
.....

Bài 4: (1 điểm)

Cuối năm, cô phát vở cho 7 em học sinh giỏi. Cô nói: "Nếu thêm 6 quyển vở nữa thì mỗi em sẽ được 8 quyển". Hỏi cô có bao nhiêu quyển vở?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 2

I. Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

1. Số có ba chữ số lớn nhất là :
a. 100 b. 989 c. 900 d. 999
2. $418 + 201 = \dots$ Số cần điền vào chỗ chấm là :
a. 621 b. 619 c. 719 d. 629
3. $627 - 143 = \dots$ Số cần điền vào chỗ chấm là :
a. 474 b. 374 c. 574 d. 484
4. $6 \times 6 \square 30 + 5$. Dấu cần điền vào ô trống là :
a. < b. > c. =
5. $\frac{1}{5}$ của 35m là Số cần điền vào chỗ chấm là
a. 6m b. 7m c. 8m d. 9m
6. 42 giờ giảm đi 6 lần thì còn..... Số cần điền vào chỗ chấm là :
a. 7 giờ b. 8 giờ c. 9 giờ d. 10 giờ
7. $3m4cm = \dots\dots\dots cm$. Số cần điền vào chỗ chấm là :
a. 34 b. 304 c. 340 d. 7
8. Mỗi tuần lễ có 7 ngày. Hỏi 4 tuần lễ có bao nhiêu ngày ?
a. 11 ngày b. 21 ngày c. 24 ngày d. 28 ngày

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

$$452 + 361$$

$$541 - 127$$

$$54 \times 6$$

$$24 : 6$$

.....
.....
.....

Câu 2: Tính:

$$5 \times 7 + 27$$

$$80 : 2 - 13$$

.....

Câu 3: Tìm X

$$X \times 4 = 32$$

$$X : 6 = 12$$

.....
.....
.....

Câu 4 : Một cửa hàng có 40 mét vải xanh và đã bán được $\frac{1}{5}$ số vải đó. Hỏi cửa hàng đó đã bán được bao nhiêu mét vải xanh?

.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 3

PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: 7 gấp lên 6 lần thì bằng:

- A.1 B.13 C.42 D.48

Câu 2 : 8m 2cm =cm. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

- A.82 B.802 C.820 D.8200

Câu 3: Kết quả của dãy tính $15 \times 4 + 5$ là :

- A.95 B.24 C.65 D.55

Câu 4: Một tuần lễ có 7 ngày, 5 tuần lễ có số ngày là:

- A.12 B.25 C.30 D.35

Câu 5: $\frac{1}{6}$ của 48 m là:

- A.8m B.42m C.54m D.65

Câu 6: Số bảy trăm linh bảy viết là :

- A.770 B.707 C.777 D.700

PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính

$635 + 218$ $426 - 119$ 56×4 45×6

.....
.....
.....

Câu 2: Tính :

$5 \times 5 + 18$ $5 \times 7 - 23$ $7 \times 7 \times 2$

.....
.....

Câu 3: Tìm X, biết:

$84 : X = 2$ $X : 4 = 36$

.....
.....

Câu 4: Đội tuyển học sinh giỏi Trường Tiểu học Kim Đồng có 78 học sinh, trong đó có $\frac{1}{3}$ là số học sinh giỏi Toán. Hỏi trường Tiểu học Kim Đồng có bao nhiêu học sinh giỏi toán?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 4

Phần I: Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

1. $8 \times 7 + 42 = ?$
A. 120 B. 98 C. 14 D. 36
2. $7 \times X = 56$ thì $X = ?$
A. 392 B. 49 C. 63 D. 8
3. $\frac{1}{6}$ của 1 giờ là:
A. 15 phút B. 10 phút C. 12 phút D. 20 phút
4. Tìm x biết: $96 : x = 3$
A. $x = 32$ B. $x = 303$ C. $x = 302$ D. $x = 203$
5. $5m6cm = \dots\dots cm$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:
A.56 B.506 C.560 D.5600
6. Một tuần lễ có 7 ngày, 4 tuần lễ có số ngày là:
A.28 B.21 C.11 D.35

Phần II: Tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$157 + 109$

$548 - 193$

16×5

$86 : 2$

.....
.....
.....
.....

Bài 2: Tìm x:

a) $X : 7 = 63$

b) $X \times 6 = 54$

.....
.....

Bài 3: Tính:

a) $28 \times 7 - 58$

b) $96 : 3 + 249$

.....
.....

Bài 4: Mẹ có một tấm vải dài 48m. Mẹ đã may áo cho cả nhà hết $\frac{1}{2}$ số vải đó. Hỏi mẹ đã may bao nhiêu mét vải?

Bài giải:

.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 5

I/ Phần trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn vào đáp án đúng

1/ 9 là kết quả của phép tính nào sau đây?

A. 8×4

B. $36 : 4$

C. $15 - 7$

D. 3×9

2/ $\frac{1}{3}$ của 15 là:

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

3/ 4×7 4×6 dấu điền vào ô trống là:

A. $<$

B. $>$

C. $=$

4/ Kết quả của phép nhân 18×5 là:

A. 87

B. 88

C. 89

D. 90

5/ Kết quả của phép chia $48 : 6$ là :

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

6/ 7 gấp lên 5 lần là bao nhiêu?

A. 25

B. 35

C. 45

D. 55

7/  Số góc vuông trong hình bên là :

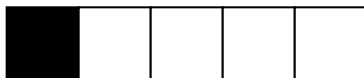
A. 1 góc

B. 2 góc

C. 3 góc

D. 4 góc

8/ Hình tô màu là bao nhiêu phần của hình chữ nhật lớn?



A. $\frac{1}{3}$

B. $\frac{1}{5}$

C. $\frac{1}{4}$

II/ Phần tự luận

1/ Đặt tính rồi tính:

a. $361 + 147$

b. $824 - 662$

c. 26×5

d. $48 : 4$

.....
.....
.....
.....

2/ Tính: a) $27 \times 3 - 54$

b) $55 : 5 + 129$

.....
.....

3/ Một quầy hàng có 36kg cam và đã bán $\frac{1}{3}$ số cam đó. Hỏi quầy hàng đã bán bao nhiêu ki-lô-gam cam?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 6

PHẦN I: Trắc nghiệm:

Khoanh tròn chữ (A, B, C và D) trước câu trả lời có kết quả đúng.

Câu 1: 1dam =m. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A.10 B.1 C.100 D.20

Câu 2: $32 : 4 =$ Kết quả của phép tính là:

- A.6 B.7 C.8 D.9

Câu 3: $20 : 4 \times 5 =$ Kết quả của phép tính là:

- A.30 B.25 C.20 D.24

Câu 4: 14 giờ 30 phút hay còn gọi là:

- A.4 giờ chiều B.2 giờ chiều C.8 2 giờ 30 phút chiều D. 2 giờ

Câu 5: $\frac{1}{2}$ của 16 giờ là:.....giờ. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A.6 B.8 C.3 2 D. 14

Câu 6: $32 : X = 8$.Thì $X = ?$

- A.3 B.4 C.5 D.6

Phần II. Phần tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính :

- a) $129 + 245$ b) $463 - 138$ c) 36×7 d) $96 : 3$

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tìm X :

a) $27 : X = 3$

b) $X : 7 = 18$

.....

.....

Bài 3:Tính:

a) $48 \times 4 - 29$

b) $77 : 7 + 148$

.....

.....

Bài 4: Lan sưu tầm được 18 con tem, Ngọc sưu tầm được số tem gấp 3 lần số tem của Lan. Hỏi Ngọc sưu tầm được bao nhiêu con tem?

Bài giải

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 7

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Bài 1: Khoanh tròn chữ đặt trước kết quả đúng:

a. 32 giảm 4 lần

A. $32 - 4 = 28$

B. $32 : 4 = 6$

C. $32 : 4 = 8$

b. 35 giảm 5 lần

A. $35 - 5 = 30$

B. $35 : 5 = 7$

C. $35 : 5 = 6$

c. 24 giảm 3 lần

A. $24 - 3 = 21$

B. $24 : 3 = 7$

C. $24 : 3 = 8$

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a. $\frac{1}{5}$ của 40 m là m;

b. $\frac{1}{7}$ của 35 m là m;

Bài 3: Điền dấu <, >, = thích hợp vào chỗ chấm:

3m 6cm....36cm

4dm 3cm....43cm

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$156 + 217$

$463 - 118$

45×5

$54 : 6$

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tìm x:

a) $x : 6 = 5$

b) $x \times 7 = 70$

.....

.....

Bài 3: Tính:

a) $19 \times 4 - 37$

b) $30 : 3 + 125$

.....

.....

.....

Bài 4: Bác An nuôi được 48 con thỏ, Bác Tâm nuôi gấp đôi số thỏ của Bác An. Hỏi Bác Tâm nuôi được bao nhiêu con thỏ.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 8

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Bài 1. Số 36052 đọc là:

- A. Ba mươi sáu nghìn không trăm năm mươi hai.
- B. Ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi.
- C. Sáu mươi ba nghìn năm trăm hai mươi
- D. Sáu mươi ba nghìn không trăm năm mươi hai

Bài 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $9\text{m } 2\text{cm} = \dots\dots \text{cm}$ là:

- A. 92
- B. 902
- C. 920
- D. 9002

Bài 3. Tìm y Biết $y \times 3 = 93$

- A. $y = 279$
- B. $y = 301$
- C. $y = 31$
- D. Không tìm được y

Bài 4. $\frac{1}{5}$ của 15m là ... m Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 5
- B. 3
- C. 4
- D. Không có số nào

Bài 5. Đúng ghi Đ sai ghi S vào ô trống:

a) Kết quả của dãy tính $7 \times 5 + 27$ là 170 ☐

b) Kết quả của dãy tính $90 : 3 - 7$ là 23 ☐

II. Phần tự luận:

1. Đặt tính rồi tính

a) $457 + 209$

b) $784 - 365$

c) 17×7

d) $48 : 4$

.....

.....

.....

.....

2. Tính:

a) $5 \times 7 + 346 =$

b) $90 : 3 - 15 =$

.....

.....

3. Một thùng dầu có 40 lít. Sau khi sử dụng, số dầu còn lại trong thùng bằng $\frac{1}{4}$ số dầu đã có. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 9

I. Phần I: Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất:

1. Số 365 đọc là:

a/ Ba trăm sáu mươi

c/ Ba trăm sáu mươi lăm

b/ Ba trăm năm mươi sáu

d/ Ba trăm linh năm

2. Số “Chín trăm linh chín” viết là:

a/ 99

b/ 909

c/ 919

d/ 900

3. Có 24 bông hoa, $\frac{1}{4}$ số bông hoa là:

a/ 6 bông hoa

b/ 24 bông hoa

c/ 4 bông hoa

d/ 8 bông hoa

4. 12 gấp 2 lần được:

a/ 14

b/ 16

c/ 24

d/ 12

5. Kết quả của dãy tính: $9 \times 5 + 8$ là

a/ 53

b/ 48

c/ 117

d/ 40

6. 1m 5dm bằng:

a/ 15m

b/ 15dm

c/ 10dm

d/ 10m

II. Phần II:

1. Đặt tính rồi tính:

a/ $312 + 118$

b/ $443 - 116$

c/ 24×3

d/ $96 : 3$

.....
.....
.....
.....

2. Tìm X:

a/ $X \times 4 = 32$

b/ $27 : X = 3$

.....
.....

3. Tính:

a/ $27 \times 3 - 19$

b/ $16 \times 4 + 98$

.....
.....

4. Nga hái được 6 bông hoa. Hằng hái được gấp 3 lần số hoa của Nga hái. Hỏi Hằng hái được mấy bông hoa?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 10

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM: Khoanh vào chữ cái trước đáp án em cho là đúng:

Câu 1: Trong phép tính: $63 : 7 = ?$ kết quả là:

- A. 7 B. 8 C. 9 D. 6

Câu 2: Trong phép tính: $34 \times 4 = ?$ Kết quả là:

- A. 124 B. 136 C. 140 D. 30

Câu 3: $1\text{hm} = \dots\text{m}$

- A. 10 m B. 100m C. 1000m D. 500m

Câu 4: $\frac{1}{6}$ của 36 phút là:

- A. 6 phút B. 8 phút C. 9 phút D. 10 phút

Câu 5: Một lớp học có 35 bạn, xếp đều thành 5 hàng. Vậy mỗi hàng có bao nhiêu bạn?

- A. 5 bạn B. 6 bạn C. 7 bạn D. 8 bạn

Câu 6: $32 : x = 8$ thì $x = ?$

- A.36 B.24 C.8 D.4

II.TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

$$624 + 284$$

$$593 - 327$$

$$44 \times 6$$

$$84 : 4$$

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Tính:

a) $28 \times 3 - 25$

b) $84 : 4 + 139$

.....

.....

Câu 3: Một buổi tập múa có 7 bạn nam, số bạn nữ gấp 3 lần số bạn nam. Hỏi buổi tập múa có bao nhiêu bạn nữ?

Giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 11

Phần I: Trắc nghiệm

Mỗi bài tập dưới đây có các câu trả lời A, B, C, D. Hãy khoanh tròn chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1/ Số 42 là kết quả của phép nhân nào?

A. 6×6

B. 6×7

C. 6×9

D. 6×5

2/ $7 \times 8 = \square$ Số cần điền vào ô trống là:

A. 42

B. 49

C. 50

D. 56

3/ $36 : 6 \square 35 : 7$ Dấu cần điền vào ô trống là:

A. $>$

B. $<$

C. $=$

4/ 8 hm $\square$ 80 m. Dấu cần điền vào ô trống là:

A. $=$

B. $<$

C. $>$

5/ $\frac{1}{4}$ của 80kg là:

A. 20 kg

B. 30 kg

C. 40 kg

D. 50 kg

6/ $x - 36 = 149$ thì $x = ?$

A. 285

B. 275

C. 175

D. 13

Phần II: Tự luận

1/ Đặt tính rồi tính:

a. $285 + 108$

b. $452 - 136$

c. $48 : 4$

d. $66 : 6$

.....
.....
.....
.....

2/ Tìm x

a) $439 - x = 145$

b) $x \times 7 = 70$

.....
.....

3/ Vẽ một đoạn thẳng có độ dài 5 cm

.....

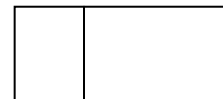
4/ Một cửa hàng bán vải ngày đầu bán được 35 m vải, ngày thứ hai bán được số vải gấp ba lần ngày đầu. Hỏi ngày thứ hai cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 12

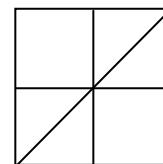
PHẦN I: TRẮC NGHIỆM:

- Số bé nhất có 4 chữ số là:
A. 1000 B. 1001 C. 1010 D. 1111
- Số lớn nhất có 3 chữ số là:
A. 990 B. 999 C. 900 D. 100
- Cho dãy số: 7; 14; 21; 28;;; 49; 56; 63; 70. Hai số còn thiếu là:
A. 30 và 32 B. 36 và 38 C. 35 và 42 D. 38 và 40
- Trong rổ có 18 quả cam, lấy ra $\frac{1}{3}$ số quả cam. Như vậy đã lấy ra:
A. 3 quả cam B. 6 quả cam C. 15 quả cam D. 12 quả cam
- $\frac{1}{6}$ của 24 giờ là giờ. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:
A. 4 B. 12 C. 18 D. 6
- Trong các phép chia có dư với số chia là 5, thì số dư lớn nhất của các phép chia đó là:
A. 5 B. 4 C. 3 D. 2
- Hình vẽ bên có góc vuông. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:
A. 12 B. 10 C. 8 D. 4



8. Trên hình vẽ bên có mấy tam giác, mấy hình vuông?

- A. 5 hình vuông, 4 hình tam giác B. 4 hình vuông, 5 hình tam giác
C. 5 hình vuông, 6 hình tam giác D. 6 hình vuông, 5 hình tam giác



PHẦN II : TỰ LUẬN :

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a. $426 + 137$

b. $590 - 76$

c. 27×6

d. $96 : 3$

.....
.....
.....

Bài 2. Tìm X:

a. $X \times 6 = 54$

b. $49 : X = 7$

.....
.....

Bài 3. Tính: a. $18 \times 6 - 29$

b. $90 : 3 + 108$

.....

Bài 4: Lớp em có 42 học sinh. Tổ em có số bạn bằng $\frac{1}{7}$ số học sinh cả lớp. Hỏi tổ em có bao nhiêu bạn?

.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 13

I. TRẮC NGHIỆM: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

1) $5\text{m } 5\text{cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 10 B. 55 C. 505 D. 550

2) $\frac{1}{3}$ của 30 kg là $\dots\dots\dots\text{kg}$. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 10 B. 33 C. 27 D. 90

3) $7 \times 6 + 14 = ?$. Kết quả của phép tính là:

- A. 17 B. 56 C. 63 D. 42

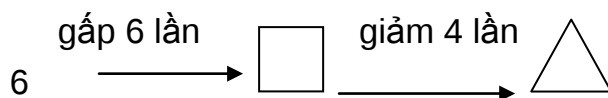
4) $96 : 3 = ?$ Kết quả của phép tính là:

- A. 93 B. 23 C. 32 D. 99

5) $48 : x = 6$

- A. $x = 42$ B. $x = 288$ C. $x = 54$ D. $x = 8$

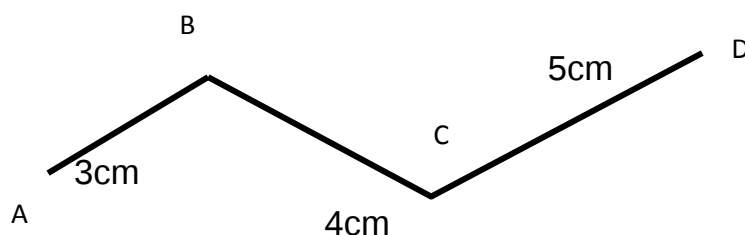
6)



Số cần điền vào hình vuông và hình tam giác là:

- A. 36 và 9 B. 42 và 7 C. 36 và 6 D. 8 và 2

7)



Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

- A. 9 cm B. 10cm C. 11cm D. 12 cm

8) $145 - 28 = ?$. Kết quả của phép tính là:

- A. 127 B. 117 C. 163 D. 173

II: TỰ LUẬN:

1) Đặt tính rồi tính:

$$156 + 127$$

$$232 - 41$$

$$12 \times 6$$

$$68 : 2$$

2) Tìm x:

$$24 : x = 6$$

$$x \times 3 = 27$$

3) Tính:

a) $26 \times 7 - 109$

b) $56 : 7 + 98$

4) Chị hái được 15 quả cam, mẹ hái được gấp đôi số cam của chị. Hỏi mẹ hái được bao nhiêu quả cam?

ĐỀ SỐ 14

I. Trắc nghiệm:

1. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

$$7 \times 5 + 15 = 50 \boxed{}; 6 \times 6 + 21 = 47 \boxed{}; 1\text{hm} = 10\text{m} \boxed{}; 1\text{dm} = 100\text{mm} \boxed{}$$

2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

a) Số đã cho là 6, nhiều hơn số đã cho 3 đơn vị là số:

A. 3 B. 9 C. 18 D. 2

b) Số đã cho là 3. Gấp 6 lần số đã cho là số:

A. 9 B. 2 C. 3 D. 18

3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$2\text{ km} = \dots\dots\dots \text{m}; \quad 7\text{ m} = \dots\dots\dots \text{dm}; \quad 3\text{dam} = \dots\dots\dots \text{m}; \quad 5\text{dm} = \dots\dots\dots \text{mm}$$

II. Tự luận:

1. Tính nhẩm:

$$24 : 4 = \dots\dots\dots \quad 4 \times 5 = \dots\dots\dots \quad 0 : 7 = \dots\dots\dots \quad 30 : 6 = \dots\dots\dots$$

2. Đặt tính rồi tính

$$248 + 127$$

$$518 - 109$$

$$34 \times 7$$

$$93 : 3$$

.....
.....
.....
.....

3. Tìm y

$$y - 35 = 46$$

$$y \times 3 = 24$$

$$32 : y = 4$$

.....
.....

4. Bài giải:

Cô giáo chia 36 học sinh thành các nhóm, mỗi nhóm có 4 học sinh. Hỏi chia được bao nhiêu nhóm?

Bài giải:

.....
.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 15

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Bài 1) Số 981 đọc là :

- A. Chín trăm tám mươi một
B. Chín tám một

- C. Chín trăm tám mươi
D. Chín mươi tám

Bài 2) 8 lít gấp lên 7 lần thì được:

- A. 8 lít + 7 = 15 lít
B. 8 lít x 7 = 56 lít

- C. 8 lít – 7 = 1 lít
D. 8 lít x 2 = 16 lít

Bài 3) $\frac{1}{3}$ của 69cm là:

- A. 18 cm B. 23 cm C. 42 cm D. 22 cm

PHẦN II : TỰ LUẬN

Bài 1: Tính nhẩm :

$5 \times 7 = \dots$

$6 \times 6 = \dots$

$3 \times 7 = \dots$

$7 \times 8 = \dots$

$49 : 7 = \dots$

$54 : 6 = \dots$

$35 : 5 = \dots$

$42 : 6 = \dots$

Bài 2: Đặt tính rồi tính :

$244 + 328$

$351 - 105$

56×7

$42 : 6$

.....

.....

.....

.....

Bài 3:Tính

a) $15 \times 7 - 59$

b) $93 : 3 + 109$

.....

.....

Bài 4: Một lớp học có 32 học sinh. Số học sinh giỏi của lớp chiếm $\frac{1}{4}$ tổng số học sinh của lớp. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh giỏi?

Bài giải

.....

.....

.....

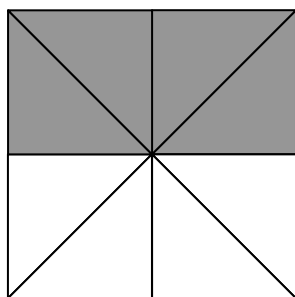
.....

ĐỀ SỐ 16

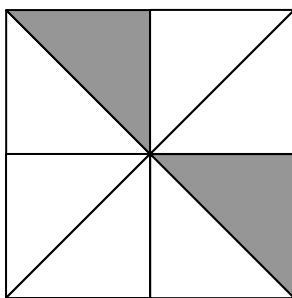
Phần I: Trắc nghiệm Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

1. Tìm x, biết: $x : 7 = 21$ dư 3
A. $x = 150$ B. $x = 147$ C. $x = 144$
2. $3\text{m } 4\text{cm} = \dots$ Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:
A. 340cm B. 34cm C. 304cm
3. Một hình tam giác có 3 cạnh bằng nhau, mỗi cạnh là 7cm. Chu vi hình tam giác đó là:
A. 15cm B. 21cm C. 28cm
- 4- Con hái được 7 quả cam, mẹ hái được gấp 5 lần số cam của con. Vậy mẹ hái được số quả cam là:
A. 35 quả B. 12 quả C. 2 quả
- 5- Đã tô màu vào $\frac{1}{4}$ số hình tam giác của hình nào?

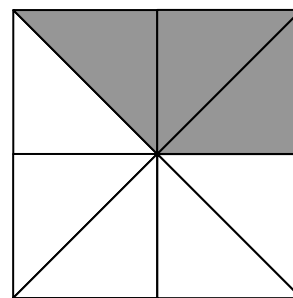
A.



B.

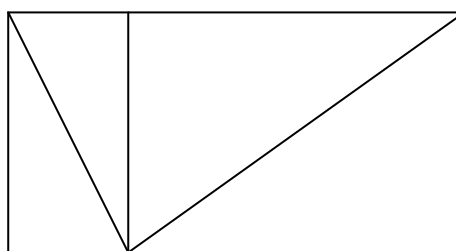


C.



6. Hình bên có bao nhiêu hình tam giác?

- A. 3 hình tam giác
B. 4 hình tam giác
C. 5 hình tam giác



Phần 2: Tự luận

- 1- Đặt tính rồi tính:

$$37 + 415$$

$$300 - 48$$

$$53 \times 6$$

$$84 : 4$$

- 2- Tính: a) $6 \times 9 - 8$

b) $42 : 7 + 15$

- 3- Một cửa hàng có 40m vải xanh và đã bán được $\frac{1}{5}$ số vải đó. Hỏi cửa hàng đó đã bán bao nhiêu mét vải xanh?

ĐỀ SỐ 17

I/ Phần trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: $6 \times 9 + 6 = \dots$ Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 54 B. 56 C. 60 D. 63

Câu 2: $7 \times 9 = \dots$ Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 63 B. 36 C. 64 D. 70

Câu 3: $X \times 6 = 48$. Số X cần tìm là:

- A. 7 B. 8 C. 42 D. 54

Câu 4: $6m3cm = \dots$ cm Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 63 cm B. 603 cm C. 630 cm D. 600 cm

Câu 5: Hồng hái được 6 quả cam, Lan hái được gấp 7 lần số cam của Hồng. Số cam Lan hái được là:

- A. 13 quả B. 35 quả C. 43 quả D. 42 quả

Câu 6: $\frac{1}{7}$ của 56 là:

- A. 63 B. 49 C. 7 D. 8

II/ Phần thực hành:

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

$$63 : 3$$

$$23 \times 3$$

$$32 \times 4$$

$$64 : 4$$

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Tìm X:

$$56 : X = 7$$

$$X \times 6 = 42$$

.....

.....

Câu 3: Tính:

a) $7 \times 9 - 18$

b) $6 \times 8 + 134$

.....

.....

Câu 4: Lớp 3A thu nhặt được 36 kg giấy vụn, lớp 3B thu nhặt được gấp 2 lần số giấy lớp 3A. Hỏi lớp 3B thu nhặt được bao nhiêu ki-lô-gam giấy vụn ?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 18

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất:

1/ Số chín trăm tám mươi ba được viết là:

- A. 903 B. 938 C. 983 D. 389

2/ Bình có 4 hộp kẹo mỗi hộp có 8 cái kẹo. Hỏi Bình có tất cả bao nhiêu cái kẹo?

- A. 30 cái kẹo B. 32 cái kẹo C. 42 cái kẹo D. 28 cái

kẹo

3/ $84 \times 3 = ?$

- A. 522 B. 225 C. 252 D. 242

4/ $48 : 2 = ?$

- A. 96 B. 24 C. 84 D. 42

5/ $7 \times 3 + 29 = ?$

- A. 50 B. 51 C. 49 D. 52

6/ $3\text{m } 4\text{cm} = \dots\text{cm}$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

- A. 3400 B. 340 C. 304 D. 34

II. PHẦN THỰC HÀNH:

1/ Đặt tính rồi tính:

$$132 + 248 \qquad 317 - 109 \qquad 26 \times 4 \qquad 86 : 2$$

.....
.....
.....

2/ Tìm x:

$$49 : x = 7$$

$$28 : x = 4$$

.....
.....

3/ Tính:

$$a) 7 \times 9 - 18$$

$$b) 6 \times 8 + 134$$

.....
.....

4/ Chị nuôi được 48 con gà, mẹ nuôi được gấp 3 lần số gà của chị. Hỏi mẹ nuôi được bao nhiêu con gà ?

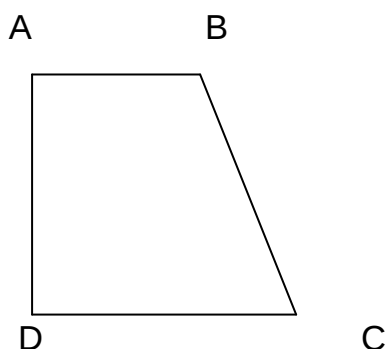
Bài giải

.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 19

I. Phần Trắc nghiệm:

1. $\frac{1}{3}$ của 24 kg là :
a. 9 b. 8kg c. 18kg d. 9kg
2. 2 ngày có :
a. 72 giờ b. 72 phút c. 77 phút d. 48 giờ
3. Trong các phép chia sau, phép chia nào là phép chia có dư :
a. $42 : 2$ b. $15 : 3$ c. $27 : 5$ d. $60 : 6$
4. Kết quả của phép tính $23 : 3$ là :
a. 9 (dư 1) b. 9 (dư 2) c. 8 d. 7 (dư 2)
5. Lấy số 42 giảm đi 6 lần rồi giảm đi 4 đơn vị thì có số :
a. 6 b. 3 c. 2 d. 4
6. Kết quả của dãy tính $45 : 5 \times 3$ là:
a. 32 b. 36 c. 27 d. 21
7. Chu vi của hình tam giác ABC có cạnh :
 $AB = 24 \text{ cm}, BC = 45 \text{ cm}, CA = 53 \text{ cm}$ là :
a. 121 b. 122 cm c. 121 cm d. 112cm
8. Hình tứ giác ABCD có mấy góc vuông :



- a. 1
- b. 2
- c. 3
- d. 4

II. Phần tự luận :

1. Đặt tính rồi tính

- a. $256 + 537$ b. $635 - 327$ c. 37×5 d. $69 : 3$

2. Tìm x:

a) $x : 3 = 5$

b) $30 : x = 6$

3. Mẹ có 30 quả cam .Mẹ đã bán $\frac{1}{3}$ số cam đó. Hỏi mẹ đã bán bao nhiêu quả cam?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 20

II/ PHẦN TRẮC NGHIỆM :

Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời có kết quả đúng .

Câu 1: Số cần điền vào chỗ chấm của phép tính : $998 + \dots = 1000$

- A .1 B.2 C.3 D.4

Câu 2: Kết quả của phép tính : $1 \text{ giờ} - 30 \text{ phút} = ?$

- A.13 giờ B.31 phút C.30 phút D.30 giờ

Câu 3: $\frac{1}{7}$ của 28 là :

- A .3 B.4 C.5 D.6

Câu 4: $2\text{m}4\text{dm} = \dots \text{dm}$.Số cần điền vào chỗ chấm là :

- A.24 B.204 C.240 D.2004

Câu 5: Trong các phép chia :

$12 : 2$; $12 : 3$; $12 : 6$; $12 : 4$

Phép chia có thương lớn nhất là :

- A . $12 : 2$ B. $12 : 3$ C . $12 : 4$ D. $12 : 6$

Câu 6: $x \times 7 = 49$ thì $x = ?$

- A . 9 B.8 C.7 D . 6

II/ PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1 : Đặt tính rồi tính :

$$312 + 128$$

$$346 - 129$$

$$48 \times 7$$

$$69 : 3$$

.....
.....
.....

Bài 2: Tính :

a) $47 \times 7 - 158$

b) $80 : 4 + 137$

.....
.....
.....

Bài 3: Một trại có 70 con lợn, trại đã bán $\frac{1}{7}$ số lợn đó. Hỏi trại đã bán

bao nhiêu con lợn ?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 21

I /PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Bài 1: Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất.

a) Kết quả của phép tính $5 \times 7 + 59$ là:

A. 93

B. 94

C. 49

D. 330

b) Chiều dài bước chân em khoảng:

A. 4m

B. 4dm

C. 4cm

D. 4mm

c) Trong các phép chia dưới đây, phép chia có thương lớn nhất là:

A. $45 : 5$

B. $40 : 5$

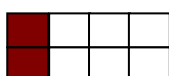
C. $42 : 7$

D. $42 : 6$

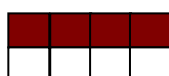
d) Đã tô màu vào $\frac{1}{4}$ hình nào ?



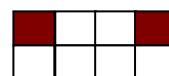
A



B



C



D

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $6\text{km} = 6000\text{m}$ ☐

b) $7\text{m} = 7000\text{cm}$ ☐

c) $5\text{m}2\text{dm} = 52\text{dm}$ ☐

d) $4\text{km}5\text{dam} = 405\text{dam}$ ☐

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hiện nay em 8 tuổi, tuổi bố gấp 5 lần tuổi em. Hiện nay tuổi của bố là..... tuổi.

b) $\frac{1}{5}$ của 1m là cm.

II/PHẦN TỰ LUẬN :

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

a) $206 + 139$

b) $453 - 236$

c) 35×7

d) $84 : 4$

.....
.....

Bài 2: Tính: a) $26 \times 7 - 96$

b) $84 : 4 + 125$

.....
.....

Bài 3: Mỗi thùng có 45 quyển sách. Hỏi 6 thùng như thế có tất cả bao nhiêu quyển sách?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 22**TRẮC NGHIỆM:** Khoanh tròn vào chữ đặt trước kết quả đúng:

1. Kết quả của phép tính 53×4 là:	A. 512 C. 202	B. 212 D. 221
2. Kết quả của phép tính $42 : 7 + 5$ là:	A. 6 C. 12	B. 10 D. 11
3. Kết quả của x trong phép tính $63 : x = 7$ là:	A. 441 C. 442	B. 9 D. 70
4. $\frac{1}{5}$ của 45m là:	A. 8m C. 6m	B. 7m D. 9m
5. Trong phép chia có dư với số chia là 4 số dư lớn nhất của phép chia đó là:	A. 1 C. 3	B. 2 D. 4
6. Đồng hồ chỉ: 	A. 1 giờ 50 phút B. 5 giờ 10 phút C. 1 giờ 25 phút D. 2 giờ 5 phút	
7. Em có 26 quyển vở, sau khi dùng thì số vở của em giảm đi 2 lần. Hỏi em đã dùng mấy quyển vở ?	A. 24 C. 12	B. 20 D. 13
8. $6m4cm = \dots cm$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là :	A : 64 C . 640	B . 604 C . 6400

TỰ LUẬN**Bài 1:** Đặt tính rồi tính :

$137 + 125$

$316 - 108$

27×5

$96 : 3$

Bài 2: Tìm x :

$x \times 6 = 54$

$49 : x = 7$

Bài 3: Tính

a) $15 \times 4 - 28$

b) $36 : 3 + 129$

Bài 4:

Một cửa hàng ngày đầu bán được 28 kg đường. Ngày thứ hai bán gấp đôi ngày đầu. Hỏi ngày thứ hai cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường ?

ĐỀ SỐ 23

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

1. Số sáu trăm linh bảy viết là :

- A. 670 B. 607 C. 67 D. 76

2. $x : 7 = 6$ thì $x = ?$

- A. 1 B. 6 C. 131 D. 42

3. $\frac{1}{7}$ của 42 là :

- A. 294 B. 49 C. 35 D. 6

4. Kết quả của phép tính $137 + 246$ là :

- A. 373 B. 383 C. 113 D. 131

5. $2\text{m}3\text{cm} = \dots\dots\text{cm}$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là :

- A. 2300 B. 230 C. 203 D. 23

6. 7 gấp lên 3 lần thì bằng :

- A. 10 B. 4 C. 14 D. 21

II. PHẦN TỰ LUẬN:

1. Đặt tính rồi tính:

$$127 + 315$$

$$423 - 106$$

$$59 \times 6$$

$$93 : 3$$

.....

.....

.....

2. Tính:

$$a/ 7 \times 5 + 15$$

$$b/ 36 : 4 + 32$$

.....

.....

3. Tính:

$$a/ 42 : x = 7$$

$$b/ X \times 6 = 30$$

.....

.....

4. Mẹ có 54 quả cam, sau khi đem bán thì số cam còn lại giảm đi 6 lần. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả cam?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 24

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

a) Trong các phép chia có dư với số chia là 3, số dư lớn nhất của các phép chia là:

- A. 3 B. 2 C. 1 D. 0

b) Phép nhân nào có kết quả bằng 30:

- A.

5×4

 B.

7×4

 C.

6×5

 D.

7×7

c) $3\text{dm } 4\text{mm} = \dots\dots\text{cm}$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là :

- A. 34 B. 304 C. 340 D. 3400

d) $x : 7 = 8$ thì $x = ?$

- A. 13 B. 35 C. 45 D. 56

e) Năm nay con 6 tuổi, tuổi mẹ gấp 6 lần tuổi con . Vậy tuổi mẹ là :

- A. 12 B. 30 C. 36 D. 38

g) $\frac{1}{5}$ của 35 là :

- A. 40 B. 30 C. 7 D. 5

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

- a) $137 + 125$ b) $340 - 128$ c) 18×7 $69 : 3$

.....
.....
.....

Bài 2: Tìm X: a) $X : 4 = 36$ $X \times 4 = 84$

.....
.....

Bài 3: a) Vẽ một đoạn thẳng AB có độ dài 9 cm

b) Vẽ đoạn thẳng CD có độ dài bằng $\frac{1}{3}$ độ dài đoạn thẳng AB

.....
.....

Bài 4: Con hái được 7 quả cam, mẹ hái được số cam gấp 5 lần số cam của con.
Hỏi mẹ hái được bao nhiêu quả cam?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 25

I. TRẮC NGHIỆM: Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

1/ Số liền trước số lớn nhất có ba chữ số là:

- A. 999 B. 900 C. 998 D. 1000

2/ Trong một phép trừ có số trừ là 476 và hiệu là 183 thì số bị trừ là:

- A. 476 B. 293 C. 183 D. 659

3/ Biết $x \times 3 = 27$, giá trị của x bằng:

- A. $x = 3$ B. $x = 81$ C. $x = 9$ D. $x = 27$

4/ Kết quả của phép nhân 15×7 là:

- A. 75 B. 105 C. 95 D. 115

5/ $9\text{dm } 4\text{cm} = \dots\dots \text{cm}$?

- A. 904cm B. 94cm C. 13cm D. 49cm

6/ $\frac{1}{3}$ của 24kg là:

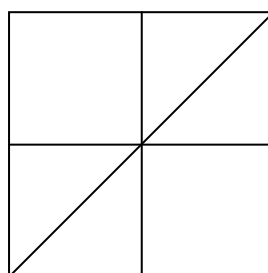
- A. 12kg B. 8kg C. 6kg D. 72kg

7/ Kết quả của phép chia $88 : 2$ là:

- A. 44 B. 33 C. 42 D. 32

8/ Hình bên có:

- A. 4 hình vuông, 4 hình tam giác
B. 5 hình vuông, 4 hình tam giác
C. 5 hình vuông, 6 hình tam giác
D. 5 hình vuông, 5 hình tam giác



II. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Tính giá trị của biểu thức:

a) $34 \times 2 + 125$

b) $84 \times 3 - 95$

Bài 2: Điền dấu ($>$, $<$, $=$)

a) $5\text{hm } 17\text{m}$ 517m

b) $1\text{m } 15\text{cm}$ 105cm

Bài 3: Đặt tính rồi tính:

$258 + 136$

$188 - 49$

64×4

$96 : 3$

Bài 4: Năm nay Tùng 7 tuổi. Số tuổi của bố gấp 6 lần số tuổi của Tùng. Hỏi năm nay bố Tùng bao nhiêu tuổi?

ĐỀ SỐ 26

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Kết quả phép tính $5 \times 7 = ?$

- A. 12 B. 35 C. 53 D. 21

Câu 2: Kết quả phép tính $48 : 6 = ?$

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 3: $\frac{1}{6}$ của 42 m là:

- A. 5 m B. 6 m C. 7 m D. 8 m

Câu 4: $2 \text{ m } 14 \text{ cm} = ?$

- A. 16 cm B. 34 cm C. 2014 cm D. 214

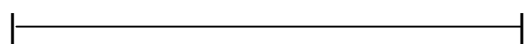
cm

Câu 5: 9 gấp lên 6 lần là:

- A. 45 B. 54 C. 3 D. 15

Câu 6: Độ dài đoạn thẳng AB là:

- A B A. 4 cm B. 5 cm



- C. 6 cm D. 8 cm

II/ PHẦN TỰ LUẬN:

1. Đặt tính rồi tính

- a) 46×7 b) $432 - 108$ c) 15×4 d) $82 : 2$

.....

.....

.....

2. Tìm X: a) $X : 7 = 14$

b) $48 : X = 6$

.....

.....

3. Tính

a) $6 \times 9 - 15$

b) $7 \times 6 + 19$

.....

.....

4. Tổ Một trồng được 18 cây, tổ Hai trồng được gấp 3 lần số cây của tổ Một. Hỏi tổ Hai trồng được bao nhiêu cây?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 27

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: Khoanh vào trước câu trả lời đúng 1dam =m

- A. 5m, B. 6m, C. 9m, D. 10m

Câu 2: Tích của 7 và 6 là:

- A. 56 B. 54 C. 42 D. 36

Câu 3: $\frac{1}{6}$ của 36 là:

- A. 42 B. 30 C. 20 D. 6

Câu 4: Kết quả của phép cộng $145 + 239$ là:

- A. 374 B. 384 C. 474 D. 574

Câu 5: Số ba trăm linh năm viết là:

- A. 530 B. 503 C. 350 D. 305

Câu 6: $127 - x = 18$ thì $x = ?$

- A. 145 B. 135 C. 109 D. 119

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1: Tính

a) $28 \times 4 - 57$

b) $96 : 3 + 127$

.....
.....

Câu 2: Đặt tính rồi tính:

a) 53×4

b) $345 + 120$

c) $627 - 127$

c) $84 : 4$

.....
.....
.....

Câu 3: Tìm x

a) $x + 12 = 36$

b) $42 : x = 6$

.....
.....

Câu 4: Trong thùng có 36 lít dầu. Sau khi sử dụng, số lít dầu trong thùng bằng $\frac{1}{3}$ số dầu đã có. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 28

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số lớn nhất trong các số: 536; 499; 563; 601.

- A. 536 B. 499 C. 563 D. 601

Câu 2: $\frac{1}{5}$ của 40 m là:

- A. 7m B. 8m C. 6m D. 9m

Câu 3: Kết quả của biểu thức: $8 : 4 \times 3 = \dots$ là:

- A. 6 B. 12 C. 2 D. 24

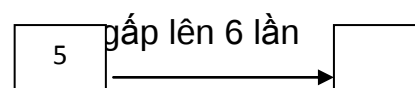
Câu 4: Có 48kg gạo chia đều vào 4 túi. Số kg gạo mỗi túi có là:

- A. 14 kg B. 21 kg C. 12 kg D. 24 kg

Câu 5: Có 30 viên bi, $\frac{1}{6}$ số bi đó là:

- A. 6 viên bi B. 5 viên bi C. 3 viên bi D. 10 viên bi

Câu 6: Chữ số thích hợp để điền vào ô trống bên là:



- A. 11 B. 25 C. 30 D. 35

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$265 + 127$$

$$704 - 62$$

$$45 \times 4$$

$$84 : 4$$

.....
.....
.....

Bài 2: Tìm X. .

$$56 : X = 7$$

$$X : 6 = 5$$

.....
.....

Bài 3. Tính: a) $26 \times 7 - 35$

$$86 : 2 + 138$$

.....
.....

Bài 4: Một cửa hàng có 42 m vải, sau một ngày bán hàng thì số mét vải còn lại giảm đi 6 lần. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu mét vải?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 29

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM :

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng :

Câu 1 : $\frac{1}{7}$ của 56m là:

A.63m

B.49m

C.39m

D.8m

Câu 2 : $X - 18 = 35$ thì $X = ?$

A.17

B.27

C. 43

D.53

Câu 3: $4m2cm = \dots cm$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là :

A.42

B.402

C. 420

D.4200

Câu 4 : $422 - 108 = \dots$ Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là :

A.224

B.324

C.314

D.530

Câu 5: 48 giảm đi 6 lần thì bằng:

A.288

B.54

C.42

D.8

Câu 6: Số bốn trăm bốn mươi viết là :

A.404

B.440

C.4040

D.4400

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính :

$$328 + 134$$

$$430 - 127$$

$$87 \times 6$$

$$96 : 3$$

.....
.....
.....

Bài 2: Tính :

a) $15 \times 7 - 29$

b) $48 \times 6 + 95$

.....
.....

Bài 3: Tìm x :

a) $X \times 5 = 25$

b) $49 : x = 7$

.....
.....

Bài 4: Lan có 7 cái tem, số tem của Huệ gấp 6 lần số tem của Lan .Hỏi Huệ có bao nhiêu cái tem?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 30

I/ Phần trắc nghiệm :

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng .

Câu 1: Kết quả phép tính 7×8 là:

- A. 40 B. 56 C. 65

Câu 2: $49 : 7 = \dots\dots\dots$ Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 6 B. 5 C. 7

Câu 3: Kết quả phép tính : 27×6 là: A. 162 B. 216 C. 126

Câu 4: $\frac{1}{6}$ của 54 phút làphút Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 6 B. 9 C. 7

Câu 5 : $4m\ 7cm = \dots\dots\dots cm$

- A. 470 B. 740 C . 407

Câu 6 : $x : 3 = 18$ thì $x = ?$

- A. 15 B. 21 C . 34

II/ Phần tự luận

Câu 1: Tính :

234	652	57	64	2
+	-	x		
432	126	6		

Câu 2: Tìm X

a) $X \times 6 = 30$

b) $40 : X = 10$

Câu 3: Tính:

a) $16 \times 7 - 38$

b) $96 : 3 + 139$

Câu 4: Trong thùng có 69 lít dầu. Sau khi sử dụng số dầu còn lại trong thùng bằng $\frac{1}{3}$ số dầu đã có. Hỏi trong thùng còn bao nhiêu lít dầu?

ĐỀ 31

Phần I: Trắc nghiệm Em hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng nhất:

1. Tích của 7 và 8 là:

- A. 15 B. 49 C. 56 D. 63

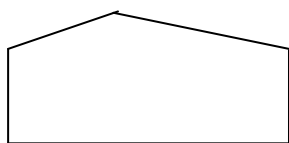
2. 6km 7dam =dam

- A. 76 B. 67 C. 607 D. 670

3. $54 : x = 6$. x có kết quả là:

- A. 9 B. 324 C. 19 D. 48

4. Hình bên có bao nhiêu góc vuông?



- A. 1 góc vuông B. 2 góc vuông C. 3 góc vuông D. 4 góc vuông

5. Điền $<$, $>$, $=$?

a. $27 + 15 - 15$ 27

b. $49 : 7 + 7$ 7

6. Con 7 tuổi, tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con. Vậy mẹ mấy tuổi?

- A. 11 tuổi B. 28 tuổi C. 32 tuổi D. 36 tuổi

Phần II: Tự luận

Bài 1: Đặt tính rồi tính

a) $428 + 190$

b) $809 - 67$

c) 27×3

d) $84 : 4$

.....
.....
.....

Bài 2: Tìm x a) $x - 115 = 68$

b) $30 : x = 5$

.....
.....

Bài 3: Tính: a) $7 \times 8 - 26$

b) $6 \times 6 + 125$

.....
.....

Bài 4: Trong thùng có 69l dầu. Sau khi sử dụng, số dầu còn lại trong thùng bằng

$\frac{1}{3}$ số dầu đã có. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 32

I. Phần trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Số lớn nhất trong các số 375, 735, 537, 753 là:

A. 375

B. 753

C. 735

D. 537

Câu 2: Kết quả của phép tính $24 : 3$ là:

A. 24

B. 3

C. 8

D. 4

Câu 3: $\frac{1}{6}$ của 48m là:

A. 6m

B. 8m

C. 4m

D. 5m

Câu 4: $6m3cm = \dots\dots\dots cm$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 63

B. 630

C. 603

D. 36

Câu 5: 7 gấp 8 lần là:

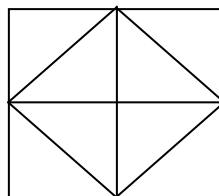
A. 13

B. 49

C. 56

D. 36

Câu 6: Trong hình bên có hình vuông



II. Phần tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$415 + 514$$

$$433 - 25$$

$$38 \times 3$$

$$90 : 3$$

.....
.....
.....

Bài 2: Tìm X:

$$X + 45 = 76$$

$$45 : X = 5$$

.....
.....

Bài 3: Tính: a) $6 \times 7 + 214$

b) $7 \times 8 - 29$

.....
.....

Bài 4: Nhà em nuôi 48 con gà. Sau khi đem bán thì số gà giảm đi 4 lần. Hỏi nhà em còn lại bao nhiêu con gà?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 33

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

1. $1\text{ m} = \dots\dots\text{ dm}$

A. 10

B. 100

C. 101

D. 111

2. $\frac{1}{4}$ của 36 m là:

A. 6 m

B. 7 m

C. 8 m

D. 9 m

3. $42 : 6 = ?$

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

4. 4 gấp lên 7 lần là:

A. 11

B. 28

C. 47

D. 74

5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: 12, 16 , 20,, 28

A. 14

B. 18

C. 22

D. 24

6. Mỗi tuần lễ có 7 ngày. Vậy 2 tuần lễ có bao nhiêu ngày?

A. 12 ngày

B. 13 ngày

C. 14 ngày

D. 15 ngày

II. PHẦN TỰ LUẬN:

1. Đặt tính rồi tính

a) 37×2

b) 15×6

c) $84 : 4$

d) $66 : 3$

.....
.....
.....

2. Tính:

a) $7\text{cm} + 6\text{ cm} = \dots\dots\dots$

b) $63\text{ m} - 45\text{ m} = \dots\dots\dots$

c) $6 \times 5 + 24 = \dots\dots\dots$

d) $36 : 4 + 10 = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

3. Tìm y

a) $y : 6 = 5$

b) $4 \times y = 28$

.....

4. Một cửa hàng có 36 lít nước mắm và đã bán được $\frac{1}{4}$ số nước mắm đó. Hỏi cửa hàng đã bán bao nhiêu lít nước mắm?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 34

I. TRẮC NGHIỆM: Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

1. Cho các số: 928; 982; 899; 988. Số lớn nhất là:

- A. 928 B. 982 C. 899 D. 988

2. $\square - 300 = 40$. Số thích hợp để điền vào ô trống là:

- A. 260 B. 340 C. 430 D. 240

3. $\frac{1}{3}$ của 24kg là:

- A. 12kg B. 8kg C. 6kg D. 4kg

4. Kết quả của phép nhân 28×5 là:

- A. 410 B. 400 C. 140 D. 310

5. Kết quả của phép chia $36 : 4$ là:

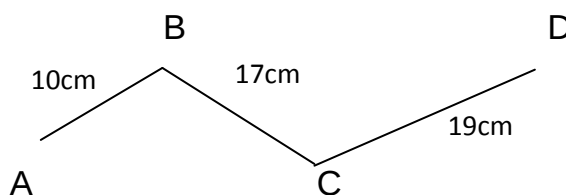
- A. 4 B. 6 C. 8 D. 9

6. Cho dãy số: 9; 12; 15; ...; ...; ...; Các số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

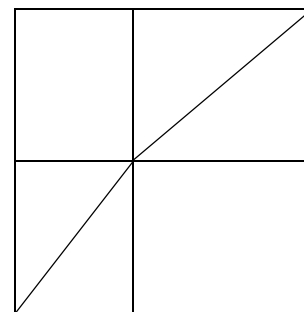
- A. 18; 21; 24 B. 16; 17; 18 C. 17; 19; 21 D. 18; 20; 21

7. Độ dài của đường gấp khúc ABCD là

- A. 68cm
B. 86cm
C. 46cm
D. 76cm



8. Hình bên có: A. 9 hình chữ nhật, 4 hình tam giác
 B. 8 hình chữ nhật, 4 hình tam giác
C. 9 hình chữ nhật, 6 hình tam giác
D. 8 hình chữ nhật, 5 hình tam giác



B. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính

- a) $248 + 136$ b) $375 - 128$ c) 48×6 d) $49 : 7$

Bài 2: Tính:

- a) $84 \times 7 - 99$ b) $23 \times 9 + 15$

Bài 3: Tìm x:

- a) $x \times 6 = 42$ b) $24 : x = 4$

Bài 4: Đoạn dây thứ nhất dài 18dm, đoạn dây thứ hai dài gấp 6 lần đoạn dây thứ nhất. Hỏi đoạn dây thứ hai dài bao nhiêu đề-xi-mét?

ĐỀ 35

Phần I: Trắc nghiệm Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất:

1. $6 \times 7 = \dots$ Số cần điền vào dấu ba chấm là:

- A. 13 B. 42 C. 32 D. 41

2. $\frac{1}{4}$ của 36 cm là:

- A. 8 cm B. 7 cm C. 6 cm D. 9 cm

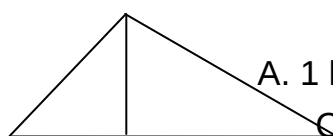
3. 4 gấp 8 lần là:

- A. 32 B. 34 C. 36 D. 38

4. Trong phép chia có dư, với số chia là 4 thì số dư lớn nhất trong phép chia đó là:

- A. 2 B. 1 C. 3 D. 5

5. Hình bên có bao nhiêu hình tam giác:



A. 1 hình tam giác

B. 2 hình tam giác

C. 3 hình tam giác

D. 4 hình tam giác

6. Con 5 tuổi, tuổi mẹ gấp 6 lần tuổi con. Vậy mẹ mấy tuổi?

- A. 11 tuổi B. 28 tuổi C. 30 tuổi D. 35 tuổi

Phần II: Tự luận

1. Đặt tính rồi tính:

a) $352 + 95$

b) $417 - 98$

c) 26×4

d) $86 : 2$

.....
.....
.....

2. Tìm X:

a) $X : 4 = 17$

b) $56 : X = 7$

.....

.....

.....

.....

3. Tính: a) $4 \times 8 + 26$

b) $6 \times 6 - 25$

.....
.....

3. Trong vườn có 35 cây ăn quả, $\frac{1}{5}$ số cây đó là cây cam. Hỏi trong vườn có bao nhiêu cây cam?

.....
.....
.....

ĐỀ 36

I. Phần trắc nghiệm:

Đánh dấu x vào ô đúng

1. $1\text{ hm} = \dots\dots\dots m$?

☐ a. 1

☐ b. 10

☐ c. 100

☐ d. 1000

2. Tìm Y biết : $36 : Y = 4$

☐ a. 4

☐ b. 9

☐ c. 36

☐ d. 40

3. 48 giảm đi 6 lần :

☐ a. 6

☐ b. 8

☐ c. 12

☐ d. 48

4. $52 : 6$ được thương là 8 và số dư là :

☐ a. 4

☐ b. 3

☐ c. 2

☐ d. 1

5. $\frac{1}{6}$ của 54 phút là...phút ?

☐ a. 6 phút

☐ b. 9 phút

☐ c. 12 phút

☐ d. 54 phút

6. Năm nay con 7 tuổi. Tuổi bố gấp 6 lần tuổi con. Vậy tuổi bố là :

☐ a. 7 tuổi

☐ b. 13 tuổi

☐ c. 24 tuổi

☐ d. 42 tuổi

II. Phần tự luận:

1. Đặt tính rồi tính:

$$263 + 582$$

$$851 - 307$$

$$36 \times 6$$

$$69 : 3$$

.....

.....

.....

.....

2. Tính

$$\begin{array}{l} \text{a) } 6 \times 7 + 64 = \dots\dots\dots \\ \qquad \qquad \qquad = \dots\dots\dots \end{array} \qquad \begin{array}{l} \text{b) } 49 : 7 + 13 = \dots\dots\dots \\ \qquad \qquad \qquad = \dots\dots\dots \end{array}$$

3. Tìm x

$$\text{a) } 3 \times x = 39$$

$$\text{b) } x : 4 = 23$$

.....

.....

4. Một cửa hàng buổi sáng bán được 69l. Số lít dầu bán được trong buổi chiều giảm đi 3 lần so với buổi sáng. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu lít dầu?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 37

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1. Kết quả của phép cộng $645 + 302$ là:
A. 847 B. 957 C. 947 D. 907
2. Kết quả của phép trừ $671 - 424$ là:
A. 147 B. 246 C. 247 D. 347
3. Kết quả của phép nhân 6×7 là:
A. 45 B. 35 C. 32 D. 42
4. Kết quả của phép nhân 7×8 là:
A. 49 B. 72 C. 65 D. 56
5. Kết quả của phép chia $54 : 6$ là:
A. 6 B. 7 C. 9 D. 8
6. Hình tam giác có độ dài các cạnh là: 15cm, 12cm, 18cm, thì chu vi hình tam giác đó là:
A. 48cm B. 55cm C. 45cm D. 54cm

II. Phần tự luận:

1. Thực hiện các phép tính:

$$\begin{array}{r} 30 \\ \times 7 \\ \hline \end{array}$$

.....
.....

$$\begin{array}{r} 83 \\ \times 6 \\ \hline \end{array}$$

.....
.....

$$\begin{array}{r} 88 \\ 4 \overline{) } \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 69 \\ 3 \overline{) } \\ \hline \end{array}$$

2. Tính

$$\begin{aligned} \text{a) } 5 \times 7 + 14 &= \\ &= \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 48 : 6 + 13 &= \\ &= \end{aligned}$$

3. Tìm x

$$\text{a) } 3 \times x = 93$$

$$\text{b) } x : 5 = 25$$

.....
.....
.....

4. Mẹ nuôi được 24 con gà, số vịt mẹ nuôi nhiều gấp 4 lần số gà. Hỏi mẹ đã nuôi được bao nhiêu con vịt?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 38

I. Phần trắc nghiệm:

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Trong các số 375, 421, 753, 735 số lớn nhất là :
A. 375 B. 421 C. 753 D. 735
- $\frac{1}{4}$ của 24 lít là lít
A. 5 B. 7 C. 6 D. 8
- $42 : 7 = ?$
A. 5 B. 6 C. 7 D. 8
- 6 gấp lên 7 lần là:
A. 36 B. 42 C. 48 D. 54
- Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:
6dm 7cm 67cm 8m 6dm 860dm

6. Trong hình bên:



- A. Có 2 hình tứ giác B. Có 1 hình tứ giác
C. Có 3 hình tứ giác D. Có 4 hình tứ giác

II. Phần Tự luận

1. Đặt tính rồi tính:

$$256 + 125$$

$$347 - 28$$

$$35 \times 4$$

$$99 : 3$$

.....
.....
.....

2. Tìm x :

a) $80 - x = 30$

b) $42 : x = 7$

.....
.....

3. Tính:

a) $6 \times 8 - 26$

b) $66 : 6 + 25$

.....

4. Chị Lan có 84 quả cam, sau khi đem bán thì số quả cam giảm đi 4 lần. Hỏi chị Lan còn bao nhiêu quả cam?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 39

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

1. $8\text{m } 3\text{cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 83

B. 830

C. 803

D. 38

2. $\frac{1}{4}$ của 32 m là:

A. 6 m

B. 7 m

C. 8 m

D. 9 m

3. $42 : 7 = ?$

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

4. 7 gấp lên 4 lần là:

A. 11

B. 28

C. 47

D. 74

5. $57 : 6 = 9$ số dư là:

A. 4

B. 3

C. 8

D. 7

6. Mỗi tuần lễ có 7 ngày. Vậy 3 tuần lễ có bao nhiêu ngày?

A. 20 ngày

B. 21 ngày

C. 22 ngày

D. 23 ngày

II. PHẦN TỰ LUẬN:

1. Đặt tính rồi tính:

a) $684 + 275$

b) $492 - 29$

c) $99 : 3$

d) 68×6

.....

.....

.....

.....

.....

2. Tìm x:

$$x + 32 = 68$$

$$42 : x = 6$$

.....

.....

3. Tính

a) $7 \times 8 + 64 = \dots\dots\dots$

b) $49 : 7 + 13 = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

4. Năm nay mẹ 42 tuổi, tuổi con bằng $\frac{1}{6}$ tuổi mẹ. Hỏi con bao nhiêu tuổi?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 40

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

1. $\frac{1}{7}$ của 49 kg là kg

A. 7

B. 6

C. 5

D. 8

2. $\frac{1}{6}$ của 54 phút là phút

A. 8

B. 7

C. 9

D. 6

3. 8hm = m

A. 8

B. 80

C. 800

D. 8000

4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: 14; 18; 22;; 30

A. 16

B. 20

C. 24

D. 28

5. Mỗi tuần lễ có 7 ngày. Vậy 4 tuần lễ có bao nhiêu ngày?

A. 24 ngày

B. 28 ngày

C. 30 ngày

D. 32 ngày

6. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:

7dm 8cm 78cm

6m 7dm 670dm

II. PHẦN TỰ LUẬN:

1. Đặt tính rồi tính:

$$29 \times 7$$

$$16 \times 6$$

$$93 : 3$$

$$88 : 4$$

.....
.....
.....

2. Tìm x $x : 7 = 6$

$$x \times 7 = 49$$

.....
.....

3. Lớp 3A trồng được 27 cây, lớp 3B trồng được gấp 3 lần số cây lớp 3A. Hỏi lớp 3B trồng được bao nhiêu cây?

.....
.....
.....

4. a) Vẽ đoạn thẳng AB có độ dài 10cm:

b) Vẽ đoạn thẳng CD có độ dài bằng $\frac{1}{5}$ độ dài đoạn thẳng AB

.....
.....

ĐỀ 41

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

1. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a) $\frac{1}{5}$ của 15 lít =lít.

c) $\frac{1}{6}$ của 54 phút = phút

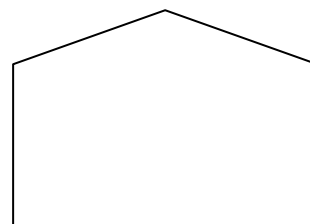
b) 4m 4dm =dm.

d) 8cm =mm.

2. a) Trong hình vẽ bên có góc vuông.

Trong hình vẽ bên có góc không vuông.

b) Hãy vẽ thêm 1 đoạn thẳng vào hình bên để trong hình có 4 góc vuông.



II. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính :

a) $487 + 302$

b) $100 - 75$

c) 18×5

d) $84 : 4$

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tìm x :

a) $63 : x = 7$

b) $80 - x = 7$

.....

.....

Bài 3: Tính

a) $6 \times 7 - 36$

b) $42 : 6 + 54$

.....

.....

Bài 4: Buổi sáng, cửa hàng bán được 36 bao gạo. Số gạo bán trong buổi chiều giảm đi 3 lần so với buổi sáng. Hỏi buổi chiều, cửa hàng đó bán được bao nhiêu bao gạo?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 42

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1. 7 lít gấp lên 6 lần thì được:

- A. 13 lít B. 14 lít C. 42 lít D. 48 lít

2. $\frac{1}{3}$ của 69cm là:

- A. 18 cm B. 23 cm C. 42 cm D. 22 cm

3. $54 : x = 6$. x có kết quả là:

- A. 9 B. 324 C. 19 D. 48

4. Con 4 tuổi, tuổi mẹ gấp 7 lần tuổi con. Vậy mẹ mấy tuổi?

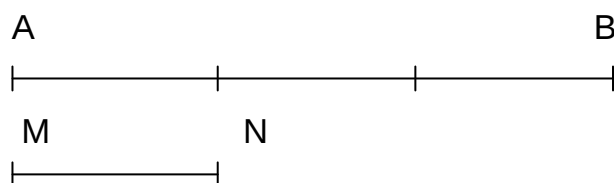
- A. 11 tuổi B. 28 tuổi C. 32 tuổi D. 36 tuổi

5. Điền dấu $>$, $<$, $=$

6dm 8cm 68cm

7m 6dm 760dm

6. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



Độ dài đoạn thẳng MN bằngđoạn thẳng AB

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Tính nhẩm :

$$5 \times 7 = \dots$$

$$6 \times 6 = \dots$$

$$3 \times 7 = \dots$$

$$7 \times 8 = \dots$$

$$49 : 7 = \dots$$

$$54 : 6 = \dots$$

$$35 : 5 = \dots$$

$$42 : 6 = \dots$$

Bài 2: Đặt tính rồi tính :

$$24 \times 6$$

$$35 \times 7$$

$$69 : 3$$

$$84 : 4$$

.....
.....
.....

Bài 3: Một lớp học có 32 học sinh. Số học sinh giỏi của lớp chiếm $\frac{1}{4}$ tổng số học sinh của lớp. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh giỏi?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 43

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

1. Đúng ghi Đ, sai ghi S.

$\begin{array}{r} 527 \\ + \\ \hline 145 \\ \hline 662 \end{array}$	$\begin{array}{r} 555 \\ - \\ \hline 44 \\ \hline 115 \end{array}$	$\begin{array}{r} 14 \\ \times \\ \hline 5 \\ \hline 70 \end{array}$	$\begin{array}{r} 54 \overline{) 6} \\ 54 \overline{) 9} \\ \hline 0 \end{array}$
$\square$	$\square$	$\square$	$\square$

2. Điền dấu >, <, = :

$5\text{m } 3\text{cm} \dots\dots 7\text{m } 2\text{cm}$	;	$4\text{m } 7\text{dm} \dots\dots 470\text{dm}$
$6\text{m } 5\text{cm} \dots\dots 603\text{m}$	;	$2\text{m } 5\text{cm} \dots\dots 205\text{cm}$

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính.

$67 + 120$	$422 - 114$	24×2	$48 : 4$
.....			
.....			
.....			

Bài 2: Tính:

a) $7 \times 9 + 18$	b) $15 \times 6 - 19$
.....	
.....	

Bài 3: Cô giáo chia 35 học sinh thành các nhóm, mỗi nhóm có 7 học sinh, hỏi chia được bao nhiêu nhóm?

.....

.....

.....

Bài 4: a) Vẽ độ dài đoạn thẳng AB dài 9 cm.

.....

.....

b) Giảm độ dài đoạn thẳng AB đi 3 lần thì được độ dài đoạn thẳng MN. Hãy vẽ đoạn thẳng MN đó?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 44

I. Phần trắc nghiệm:

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi bài tập dưới đây:

1. Tính: $7 \times 8 = ?$

A. 56

B. 65

C. 49

D. 63

2. Mẹ 30 tuổi, con 5 tuổi. Hỏi tuổi mẹ gấp mấy lần tuổi con?

A. 5 lần

B. 3 lần

C. 6 lần

D. 2 lần

3. Gấp 3 lít lên 5 lần thì được:

A. 8 lít

B. 2 lít

C. 20 lít

D. 15 lít

4. $\frac{1}{7}$ của 63 kg là:

A. 441 kg

B. 9 kg

C. 15 kg

D. 11 kg

5. Trong các phép chia có dư với số chia là 6, số dư lớn nhất của các phép chia đó là:

A. 3

B. 4

C. 6

D. 5

6. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

2m 20cm 2m 25cm

4cm 3mm 403mm

II. Phần tự luận:

1. Đặt tính rồi tính:

24×5

35×6

$63 : 3$

$48 : 4$

.....
.....
.....
.....

2. Tính: $7 \times 9 - 18 = \dots\dots\dots$ $36 : 6 + 14 = \dots\dots\dots$

.....

3. a) Vẽ đoạn thẳng AB dài 9 cm.

.....

b) Vẽ đoạn thẳng CD có độ dài bằng $\frac{1}{3}$ độ dài đoạn thẳng AB .

.....

4. Một cửa hiệu buổi sáng bán được 25 quyển vở. Buổi chiều bán nhiều gấp 3 lần buổi sáng. Hỏi cửa hiệu đó, buổi chiều bán bao nhiêu quyển vở ?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 45

I – Phần trắc nghiệm

Em hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

1. Số sáu trăm linh năm viết là:

- A. 506 B. 600 C. 605 D. 650

2. Cho các số : 538 , 209 , 789 , 120 , thứ tự các số từ bé đến lớn là:

- A. 120 , 538 , 209 , 789 B. 120 , 209 , 538 , 789
C. 209 , 120 , 538 , 789 D. 789 , 538 , 209 , 120

3. $X \times 7 = 35$, $X = \dots\dots$

- A. 5 B. 7 C. 8 D. 4

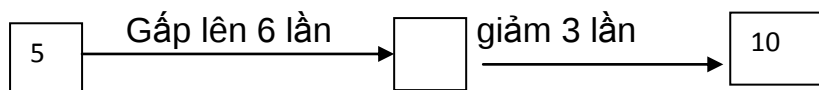
4. $\frac{1}{6}$ của 42 kg là..... kg

- A. 6 B. 4 C. 5 D. 7

5. Cho dãy số: 12 , 15 , 18 ,... Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. 17 B. 21 C. 24 D. 32

6. Số cần điền vào ô trống trong dãy sau là :



- A. 30 B. 36 C. 42 D. 60

II. Phần tự luận

1. Đặt tính rồi tính:

- a) 26×6 b) 38×7 c) $63 : 3$ d) $84 : 4$

.....
.....
.....

2. Tính :

$6 \times 3 + 135 = \dots\dots\dots$

$20 \times 3 : 6 = \dots\dots\dots$

.....

3. Một cửa hàng buổi sáng bán được 52l dầu, số lít dầu bán được trong buổi chiều gấp 3 lần buổi sáng. Hỏi buổi chiều cửa hàng đã bán được bao nhiêu lít dầu?

4. Điền vào ô trống:

$$\begin{array}{r} 25 \\ \times \square \\ \hline \square 0 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square 2 \\ \times \\ 3 \\ \hline 6 \square \end{array}$$

ĐỀ 46

I. Phần trắc nghiệm:

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi bài tập dưới đây:

- Gấp 3 lít lên 5 lần thì được:
A. 8 lít B. 2 lít C. 20 lít D. 15 lít
- $\frac{1}{7}$ của 49 kg là :
A. 343 kg B. 7 kg C. 42 kg D. 11kg
- Mẹ 30 tuổi, con 6 tuổi. Hỏi tuổi mẹ gấp mấy lần tuổi con?
A. 5 lần B. 3 lần C. 6 lần D. 2 lần
- Trong các phép chia có dư với số chia là 5, số dư lớn nhất của các phép chia đó là :
A. 3 B. 4 C. 6 D. 2
- Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:
2m 30cm 2m 35cm 4cm 6mm 406mm

6. Điền số thích hợp vào ô trống:



II. Phần tự luận:

Bài 1: Tính

$7 \times 5 =$

$1 \times 7 =$

$36 : 6 =$

$6 \times 7 =$

$6 \times 6 =$

$42 : 7 =$

$6 \times 4 =$

$6 \times 0 =$

$0 : 7 =$

Bài 2: Đặt tính rồi tính

37×5

21×7

$84 : 4$

$66 : 3$

Bài 3: Tìm X: a) $X : 7 = 5$

b) $42 : X = 6$

Bài 4: Một cửa hàng có 24kg táo và đã bán được $\frac{1}{3}$ số táo đó. Hỏi cửa hàng đã bán bao nhiêu ki-lô-gam táo ?

ĐỀ 47

I. Phần trắc nghiệm :

Khoanh vào trước câu trả lời đúng:

1. Số ba trăm bảy mươi lăm viết là :

A. 375

B. 573

C. 375

D. 30075

2. Số bé nhất trong các số 395,389,383,401 là :

A. 395

B. 389

C. 383

D. 401

3. $\frac{1}{4}$ của 16 m là ...m

A. 4

B. 2

C. 14

D. 12

4. Kết quả dãy tính: $12 \times 7 - 5$ là :

A. 24

B. 89

C. 79

D. 189

5. Có 63 quả bóng bàn chia đều vào 7 hộp . Mỗi hộp cóbóng bàn.

A. 10

B. 9

C.19

D. 8

6. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

7dm 9cm 79cm

6m 9dm 690dm

II Phần tự luận :

1. Đặt tính rồi tính:

$$34 \times 4$$

$$82 \times 3$$

$$96 : 3$$

$$42 : 7$$

.....
.....
.....
.....

2. Tìm x :

a) $x \times 6 = 48$

b) $63 : x = 7$

.....
.....

3. Tính:

a) $47 \times 2 - 18$

b) $69 : 3 + 239$

.....
.....
.....
.....

4. Chị nuôi được 12 con gà, mẹ nuôi được nhiều gấp 3 lần số gà của chị . Hỏi mẹ nuôi được bao nhiêu con gà?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 48

Phần I: Trắc nghiệm Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất:

1. $5 \times 6 = \dots$ Số cần điền vào dấu ba chấm là:

- A. 35 B. 30 C. 38 D. 32

2. $7 \times 8 = \dots$ Số cần điền vào dấu ba chấm là:

- A. 50 B. 52 C. 56 D. 65

3. $\frac{1}{6}$ của 48 cm là:

- A. 7 cm B. 6 cm C. 8 cm D. 5 cm

4. 5 gấp 7 lần là:

- A. 36 B. 37 C. 35 D. 38

5. $58 : 6 = 9$ số dư là:

- A. 4 B. 3 C. 8 d) 7

6. Đoạn thẳng AB dài 60 cm. Vậy $\frac{1}{6}$ đoạn thẳng AB dài:

- A. 10 cm B. 1 cm C. 36 cm D. 12 cm

Phần II: Tự luận

1. Đặt tính rồi tính:

- a) 17×6 b) 64×7 c) $69 : 3$ d) $84 : 4$

.....

.....

.....

.....

2. Tìm x :

a) $87 - x = 30$

b) $42 : x = 6$

.....

.....

3. Tính:

a) $7 \times 8 - 26 = \dots\dots\dots$

b) $48 : 4 + 25 = \dots\dots\dots$

.....

4. Trong vườn có 63 cây ăn quả, $\frac{1}{7}$ số cây đó là cây bưởi. Hỏi trong vườn có bao nhiêu cây bưởi?

.....

.....

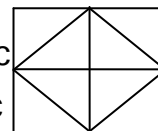
.....

ĐỀ 49

Phần I: Trắc nghiệm

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

- Số bé nhất có 3 chữ số là:
A. 990 B. 900 C. 999 D. 100
- Số lớn nhất có 4 chữ số là:
A. 1111 B. 1001 C. 9999 D. 1000
- Cho dãy số: 8; 12; 16; 20;;; 32; 36; 40. Hai số còn thiếu là:
A. 24 và 26 B. 26 và 30 C. 24 và 28 D. 28 và 32
- Thùng thứ nhất chứa 12 lít dầu, thùng thứ hai chứa gấp 5 lần thùng thứ nhất. Như vậy thùng thứ hai chứa :
A. 17 lít dầu B. 20 lít dầu C. 50 lít dầu D. 60 lít dầu
- $\frac{1}{3}$ của 24 giờ là giờ. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:
A. 12 B. 8 C. 6 D. 4
- Trên hình vẽ bên có mấy tam giác?
A. 8 hình tam giác B. 10 hình tam giác
C. 12 hình tam giác D. 15 hình tam giác



Phần 2: Tự luận

1. Đặt tính rồi tính:

- a) $426 + 137$ b) $590 - 76$ c) 22×6 d) $96 : 3$

.....
.....
.....

2. Tìm x :

- a) $x \times 5 = 55$ b) $49 : x = 7$

.....
.....

3. Tính: a) $7 \times 8 - 26 =$ b) $48 : 4 + 25 =$

.....

4. Năm nay mẹ em 36 tuổi, tuổi em bằng $\frac{1}{4}$ tuổi mẹ em. Hỏi em năm nay bao nhiêu tuổi?

.....
.....
.....

ĐỀ 50

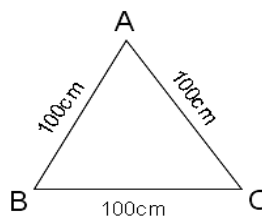
I. Phần trắc nghiệm: Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

1. Số ba trăm năm mươi viết là:

- A. 305 B. 503 C. 350 D. 530

2. Chu vi hình tam giác ABC là:

- A. 200 cm
B. 310 cm
C. 300 cm
D. 400 cm



3. Gấp 6 lên 5 lần thì được:

- A. 11 B. 25 C. 28 D. 30

4. Kết quả của dãy tính 4: 2 + 16 là:

- A. 6 B. 10 C. 18 D. 12

5. $\frac{1}{6}$ của 30 lít là:

- A. 3 lít B. 4 lít C. 5 lít D. 6 lít

6. Số lớn nhất có 2 chữ số là:

- A. 99 B. 90 C. 10 D. 89

II. Phần tự luận:

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

- a) $144 + 367$ b) $573 - 56$ c) 44×6 d) $75 : 3$

.....

.....

.....

Câu 2: Tính:

- a. $40 \times 2 - 50$ b. $30 + 50 - 20$

.....

.....

Câu 3: Tìm x:

- a. $x \times 6 = 48$ b. $x : 6 = 5$

.....

.....

Câu 4: Có 35 lít dầu chia đều vào các can, mỗi can chứa 5 lít dầu. Hỏi cần bao nhiêu các can như vậy để chứa hết số dầu?

.....

.....

.....

ĐỀ 51

I. Phần trắc nghiệm: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1. Số liền trước của 150 là:

- A. 151 B. 140 C. 149 D. 160

2. Số liền sau của 99 là:

- A. 98 B. 99 C. 101 D. 100

3. Gấp 4 lên 6 lần thì được:

- A. 20 B. 24 C. 28 D. 30

4. Giảm 42 đi 7 lần thì được:

- A. 8 B. 7 C. 6 D. 5

5. Mỗi tuần lễ có 7 ngày. Vậy 2 tuần lễ có bao nhiêu ngày?

- A. 12 ngày B. 13 ngày C. 14 ngày D. 15 ngày

6. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6dm 5cm65cm

b) 5 km.....5000 m

II. Phần tự luận:

Bài 1: Tính nhẩm:

$6 \times 6 =$

$6 \times 9 =$

$7 \times 6 =$

$7 \times 7 =$

$36 : 6 =$

$54 : 6 =$

$42 : 7 =$

$49 : 7 =$

Bài 2: Đặt tính rồi tính:

35×6

;

75×3

;

$55 : 5$

;

$80 : 4$

.....
.....
.....

Bài 3: Tìm x

a) $3 \times x = 93$

b) $x : 5 = 25$

.....
.....

Bài 4: Một cửa hàng có 30 kg kẹo, buổi sáng cửa hàng đã bán được $\frac{1}{6}$ số kẹo đó.

Hỏi buổi sáng cửa hàng đó đã bán được bao nhiêu ki-lô-gam kẹo?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 52

Phần 1: Trắc nghiệm

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

1. $\frac{1}{6}$ của 18 phút là:

- A. 6 phút B. 3 phút C. 4 phút D. 2 phút

2. Trong các phép chia sau, phép chia có thương bé nhất là:

- A. $12 : 2$ B. $12 : 6$ C. $12 : 4$ D. $12 : 3$

3. Hiện nay em 7 tuổi, tuổi của cha gấp 8 lần tuổi của em. Tuổi của cha hiện nay là:

- A. 42 tuổi B. 49 tuổi C. 56 tuổi D. 63 tuổi

4. $2\text{m } 2\text{dm} = \dots\dots\dots \text{dm}$ Số thích hợp viết vào chỗ chấm là;

- A. 220 B. 22 C. 202 D. 2020

5. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

$$20 \times 2 : 5 = 40 \quad \square$$

$$42 : 7 + 34 = 40 \quad \square$$

6. Viết dấu $<$, $>$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

$$\frac{1}{3} \text{ giờ } \dots\dots\dots 20 \text{ phút} \quad ;$$

$$\frac{1}{2} \text{ giờ } \dots\dots\dots 25 \text{ phút} \quad ;$$

Phần 2: Tự luận

1. Tính nhẩm:

$$6 \times 9 = \dots\dots\dots \quad 7 \times 8 = \dots\dots\dots \quad 42 : 7 = \dots\dots\dots \quad 45 : 5 = \dots\dots\dots$$

2. Đặt tính rồi tính:

$$177 + 432$$

$$792 - 344$$

$$52 \times 7$$

$$48 : 4$$

.....
.....
.....

3. Trong thùng có tất cả 36 lít dầu. Sau khi sử dụng, số dầu còn lại trong thùng bằng $\frac{1}{3}$ số dầu đã có. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu?

.....
.....
.....

4. a) Vẽ đoạn thẳng AB dài 10 cm

.....

b) Vẽ đoạn thẳng CD có độ dài bằng $\frac{1}{2}$ độ dài đoạn thẳng AB.

.....
.....

ĐỀ 53

Phần I: Trắc nghiệm Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1. Số liền trước của 150 là:

- A. 151 B. 140 C. 149 D. 160

2. Số liền sau của 99 là:

- A. 98 B. 99 C. 101 D. 100

3. Gấp 4 lên 6 lần thì được:

- A. 20 B. 24 C. 28 D. 30

4. Giảm 42 đi 7 lần thì được:

- A. 8 B. 7 C. 6 D. 5

5. $\frac{1}{6}$ của 30 lít là:

- A. 3 lít B. 4 lít C. 5 lít D. 6 lít

6. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6dm 5cm65cm

b) 5 km.....5000 m

Phần II: Tự luận

1. Tính nhẩm:

$7 \times 8 =$

$7 \times 6 =$

$6 \times 5 =$

$7 \times 5 =$

$42 : 6 =$

$49 : 7 =$

$54 : 6 =$

$63 : 7 =$

2. Đặt tính rồi tính:

47×5

28×3

$60 : 3$

$88 : 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Tính:

$63 : 7 + 30 = \dots\dots\dots$

$7 \times 8 - 37 = \dots\dots\dots$

.....

.....

4. Cửa hàng có 93 hộp bánh. Cửa hàng đã bán hết $\frac{1}{3}$ số hộp bánh đó. Hỏi cửa hàng đã bán được bao nhiêu hộp bánh?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 54

Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. Số **bảy trăm ba mươi hai** viết là:

- A. 272. B. 723 C. 372. D. 732.

2. Gấp 7 lên 5 lần thì được:

- A. 12. B. 35. C. 40. D. 45.

3. Kết quả dãy tính $6 : 2 + 14$ là:

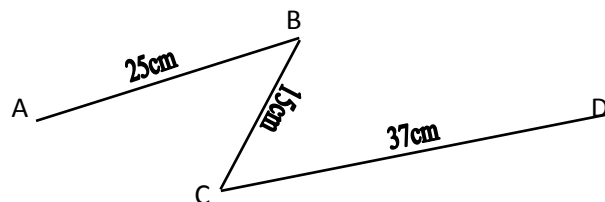
- A. 10. B. 20. C. 30. D. 17.

4. $\frac{1}{5}$ của 45m là:

- A. 7m. B. 8m. C. 9m. D. 6m.

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống sau:

1. $\frac{1}{4}$ của 24/ là 6/. ☐



2. Độ dài đường gấp khúc ABCD là: 77cm. ☐

Phần 2: Tự luận

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

- a) $421 + 29$ b) $516 - 324$ c) 43×6 d) $68 : 2$

.....

.....

.....

Bài 2: Tính:

- a) $45 : 5 + 231$ b) $26 \times 5 - 34$

.....

.....

Bài 3: Tìm x:

- a) $36 : x = 4$ b) $x : 7 = 4$

.....

.....

Bài 4: Một lớp học có 36 học sinh, trong đó có $\frac{1}{4}$ số học sinh là học sinh giỏi. Hỏi

lớp học đó có bao nhiêu học sinh giỏi?

.....

.....

.....

ĐỀ 55

A. Phần Trắc nghiệm:

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất :

1. Số lớn nhất trong các số 346; 436; 464; 435 là:

A. 346

B. 436

C. 464

D. 435

2. Số bé nhất trong các số 468, 369, 396, 486 là:

A. 468

B. 369

C. 396

D. 486

3. Kết quả của phép tính $500 + 50 + 4$ là:

A. 554

B. 545

C. 504

D. 550

4. Số ba trăm bảy mươi lăm viết là:

A. 573

B. 375

C. 357

D.

300705

5. Kết quả của phép chia $49 : 7$ là:

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

6. $\frac{1}{3}$ của 15m là:

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

B. Phần tự luận:

1. Đặt tính rồi tính:

$$234 + 432$$

$$356 - 156$$

$$16 \times 6$$

$$76 : 4$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Tìm x :

a) $87 - x = 30$

b) $42 : x = 6$

.....

.....

3. Tính:

a) $7 \times 8 - 26 =$

b) $48 : 4 + 25 =$

.....

4. Mai làm được 30 bông hoa bằng giấy, Mai tặng bạn $\frac{1}{6}$ số bông hoa đó. Hỏi Mai tặng bạn bao nhiêu bông hoa?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 56

Phần 1: Trắc nghiệm

Bài 1: Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất :

1. Hiện nay em 7 tuổi, tuổi của mẹ gấp 6 lần tuổi của em. Tuổi của mẹ hiện nay là:

A. 32

B. 40

C. 42

D. 45

2. Trong các phép chia có dư với số chia là 6 thì số dư lớn nhất của các phép chia đó là:

A. 6

B. 5

C. 4

D. 0

3. $\frac{1}{4}$ của 28 phút là:

A. 8 phút

B. 6 phút

C. 7 phút

D. 5 phút

4. 2m 1dm =..... dm Số thích hợp viết vào chỗ chấm là;

A. 210

B. 21

C. 201

D. 2010

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

a. $20 \times 2 : 5 = 40$ ☐

b. $42 : 7 + 34 = 40$ ☐

Phần 2: Tự luận

Bài 1. Tính nhẩm:

a) $6 \times 8 = \dots\dots$ b) $7 \times 7 = \dots\dots\dots$ c) $42 : 6 = \dots\dots\dots$ d) $63 : 7 = \dots\dots\dots$

Bài 2. Đặt tính rồi tính:

15×6

43×3

$77 : 7$

$92 : 4$

.....
.....
.....

Bài 3. Tìm x :

a) $x : 3 = 10$

b) $28 : x = 10 - 3$

.....
.....

Bài 4. Một tấm vải dài 45m, người ta đã bán đi $\frac{1}{5}$ tấm vải đó. Hỏi người ta đã bán đi bao nhiêu mét vải?

.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 57

I. Trắc nghiệm:

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1. 4 dam 7 m =m. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

- A. 407 B. 47 C. 470 D. 7

2. $\frac{1}{3}$ giờ = phút. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

- A. 12 B. 15 C. 20 D. 30

3. Đoạn thẳng AB dài 12 cm, đoạn thẳng CD gấp 3 lần đoạn AB. Độ dài đoạn thẳng CD là:

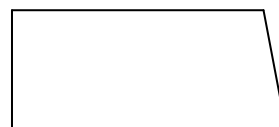
- A. 3 B. 4 C. 24 D. 36

4. Trong phép chia có số chia là 6, số dư lớn nhất của phép chia đó là:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

5. Hình bên có mấy góc vuông?

- A. 1 góc vuông B. 2 góc vuông
C. 3 góc vuông D. 4 góc vuông



6. Điền dấu <, =, > vào ô trống:

7 m 4 cm 74 m

6m 8 dm 68 dm

II. Tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$67 + 723$$

$$38 \times 7$$

$$859 - 474$$

$$78 : 3$$

.....
.....
.....

Bài 2: Tìm x.

$$57 - x = 19$$

$$48 : x = 6$$

.....
.....

Bài 3: Tính:

$$a) 45 : 5 + 762$$

$$b) 26 \times 5 - 34$$

.....
.....

Bài 4: Bao gạo thứ nhất cân nặng 66 kg. Bao gạo thứ hai nặng gấp 3 lần bao gạo thứ nhất. Hỏi bao gạo thứ hai cân nặng bao nhiêu kilôgam?

.....
.....
.....

ĐỀ 58

I. Trắc nghiệm :

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Số gồm 3 đơn vị 5 trăm 7 chục viết là :

A . 357 B. 573 C. 375 D. 537

2. Chữ số 5 trong số 9853 chỉ :

A. 5 đơn vị B. 5 chục C. 5 trăm D. 5 nghìn

3. Liên trước số 298 là số :

A. 299 B. 300 C. 289 D. 297

4. 4 hm =m

A. 40 B. 4 C. 400 D. 4000

5. So sánh 6 m 3cm 603 cm

A. 6 m 3cm > 603 cm B. 6 m3cm = 603cm
C. 6 m3cm < 603cm D. Không so sánh được

6. Trong phép chia có dư với số chia là 6, số dư lớn nhất của phép chia đó là?

A. 6 B. 4 C. 1 D. 7

II. Tự luận:

1. Tính nhẩm:

a) $42 : 6 =$ $6 \times 8 =$ $28 : 7 =$ $6 \times 4 =$
b) $63 : 7 =$ $7 \times 5 =$ $54 : 6 =$ $7 \times 8 =$

2. Đặt tính rồi tính:

a) 27×6 b) 45×7 c) $57 : 3$ d) $68 : 4$

.....
.....
.....

3. Một cửa hàng buổi sáng bán được 24 ki - lô - gam đường. Buổi chiều bán được gấp 4 lần buổi sáng. Hỏi cửa hàng buổi chiều bán được bao nhiêu ki - lô - gam đường?

.....
.....
.....
.....

4. Đoạn thẳng AB dài 42cm, đoạn thẳng CD có độ dài bằng $\frac{1}{7}$ độ dài đoạn thẳng AB. Hãy vẽ đoạn thẳng CD.

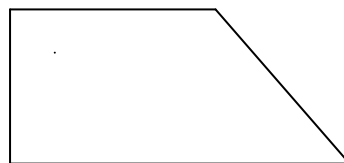
.....
.....

ĐỀ 59

Phần I: Trắc nghiệm Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1. Số góc vuông của hình tứ giác bên là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4



2. $2\text{hm} + 4\text{dam} = ?$

- A. 24m B. 204m C. 240m D. 402m

3. Trong các phép chia có dư với số chia là 7, số dư lớn nhất của các phép chia đó là:

- A. 7 B. 8 C. 5 D. 6

4. $\frac{1}{5}$ của 35m là:

- A. 8m B. 7m C. 6m D. 8m

5. Kết quả của 64×3 là:

- A. 192 B. 182 C. 172 D. 162

6. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

$\begin{array}{r l} 48 & 6 \\ 48 & 8 \\ \hline 0 & \end{array}$	$\begin{array}{r l} 30 & 6 \\ 24 & 4 \\ \hline 6 & \end{array}$
☐	☐

Phần 2: Tự luận

Bài 1: Tính:

$6 \times 3 =$	$6 \times 4 =$	$36 : 6 =$	$63 : 7 =$
$4 \times 7 =$	$7 \times 7 =$	$54 : 6 =$	$56 : 7 =$

Bài 2: Đặt tính rồi tính:

$365 + 418$	$628 - 275$	47×7	$48 : 4$
.....			
.....			
.....			
.....			

Bài 3: Tìm x : a) $36 : x = 4$

b) $x : 7 = 4$

.....

.....

Bài 4: Con hái được 17 bông hoa, mẹ hái được gấp 3 lần số bông hoa của con.
Hỏi mẹ hái được bao nhiêu bông hoa?

.....

.....

.....

ĐỀ 60

PHẦN I: Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước đáp án đúng:

1. Số liền trước của 900 là:

- A. 999 B. 899 C. 800 D. 898

2. $\frac{1}{7}$ của 42kg là bao nhiêu ?

- A. 6 B. 6kg C. 7kg D. 8kg

3. Số cần điền vào ô trống trong phép tính $\square : 6 = 12$ là số nào ?

- A. 72 B. 32 C. 12 D. 42

4. Đoạn thẳng AB dài 4cm, đoạn thẳng CD dài gấp 6 lần đoạn thẳng AB. Hỏi đoạn thẳng CD dài bao nhiêu ?

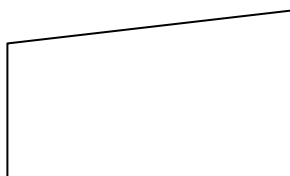
- A. 24mm B. 24 C. 24dm D. 24cm

5. Mỗi tuần lễ có 7 ngày , hỏi 4 tuần lễ có tất cả bao nhiêu ngày ?

- A. 11 ngày B. 24 ngày C. 28 ngày D. 32 ngày

6. Số góc vuông có trong hình vẽ bên là:

- A. 1
B. 2
C. 3
D. 4



PHẦN II: Tự luận

Bài 1: Đặt tính rồi tính :

a) $541 - 127$

b) $168 + 503$

c) 35×6

d) $46 : 5$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tìm x :

a) $42 : x = 7$

b) $x \times 6 = 30$

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Tính: a) $45 : 5 + 347$

b) $26 \times 5 - 34$

.....

.....

Bài 4: Một công việc làm bằng tay hết 40 giờ, nếu làm bằng máy thì thời gian giảm 5 lần. Hỏi làm công việc đó bằng máy thì hết bao nhiêu giờ?

.....

.....

.....

ĐỀ 61

A. Phần I: Trắc nghiệm Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng

1. Cho các số : 399; 421; 573; 241; 735; 142. Số lớn nhất trong các số trên là :

- A. 573 B. 735 C. 142 D. 399

2. $5 \times 7 \dots 5 \times 6$, Dấu cần điền vào chỗ trống là :

- A. < B. > C. = ; D. không có dấu nào

3. Có 10 quả cam xếp vào các đĩa, mỗi đĩa 2 quả. Hỏi xếp được vào mấy đĩa?

- A. 20 đĩa B. 4 đĩa C. 5 đĩa D. 10 đĩa

4. 5 gấp 8 lần là :

- A. 40 B. 42 C. 45 D. 35

5. $4 \times 6 + 7 = ?$

- A. 17 B. 27 C. 31 D. 33

6. $\frac{1}{6}$ của 24m là :

- A. 7m B. 6m C. 6 D. 4 m

B. Phần II: Tự luận

1. Đặt tính rồi tính :

- a) $234 + 432$ b) $765 - 146$ c) 28×6 d) $48 : 4$

.....
.....
.....

2 . Tìm x:

$$x : 6 = 9$$

$$x \times 5 = 35$$

.....
.....

3. Tính:

a) $7 \times 8 - 26 =$ b) $48 : 4 + 25 =$

.....

4. Một cửa hàng có 40 m vải xanh. Cửa hàng đã bán được $\frac{1}{5}$ số vải đó. Hỏi cửa hàng đã bán mấy mét vải xanh?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 62

I. Phần trắc nghiệm : Khoanh tròn vào trước chữ cái đặt trước kết quả đúng.

Câu 1: Trong các số sau : 375, 421, 241, 735. Số bé nhất là :

- A. 375 B. 735 C. 421 D. 241

Câu 2 : $20 : 2 \times 3 = \dots\dots\dots$ Số cần điền vào chỗ chấm là :

- A. 10 B. 30 C. 20 D. 40

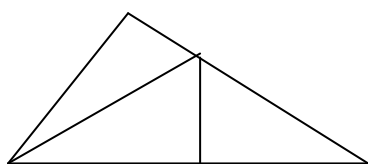
Câu 3 : Số dư của phép chia $37 : 5$ là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 4: $21 : x = 7$. Số điền vào chữ x là:

- A. 28 B. 147 C. 14 D. 3

Câu 5:



Số hình tam giác trong hình vẽ trên là;

- A. 2 hình B. 3 hình C. 4 hình D. 5 hình

Câu 6: Có 10 quyển vở, $\frac{1}{2}$ số quyển vở là:

- A. 2 quyển vở B. 3 quyển vở C. 4 quyển vở D. 5 quyển vở

II - Phần tự luận:

1. Đặt tính rồi tính:

- a) 63×4 b) 27×6 c) $86 : 2$ d) $63 : 3$

.....
.....
.....

2. Tính giá trị của biểu thức:

- a) $7 + 6 + 18 = \dots\dots\dots$ b) $42 : 7 + 5 = \dots\dots\dots$

3. Tìm x :

- a) $20 : x = 5$ b) $x \times 6 = 42$

.....
.....

4. Trong vườn có 63 cây ăn quả, $\frac{1}{9}$ số cây đó là cây bưởi . Hỏi trong vườn có bao nhiêu cây bưởi?

.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 63

Phần I – Trắc nghiệm: (3 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Tính nhẩm:

$6 \times 3 = \dots\dots\dots$

$7 \times 9 = \dots\dots\dots$

$49 : 7 = \dots\dots\dots$

$6 \times 5 = \dots\dots\dots$

$7 \times 5 = \dots\dots\dots$

$21 : 7 = \dots\dots\dots$

$36 : 6 = \dots\dots\dots$

$21 : 3 = \dots\dots\dots$

$54 : 6 = \dots\dots\dots$

Câu 2: (1 điểm) Điền dấu thích hợp vào ô trống:

5m 5dm

505dm

8m 32cm

832cm

8m 35cm

832cm

57hm - 18hm

30hm

Câu 3: (1 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

a) Hình bên có:

A. 2 góc vuông, 3 góc không vuông

B. 3 góc vuông, 2 góc không vuông

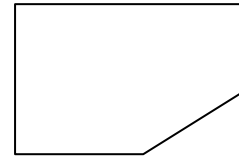
C. 4 góc vuông, 1 góc không vuông

b) Giá trị của dãy tính $24 : 6 + 36$ là:

A. 40

B. 30

C. 10



Phần II – Tự luận: (7 điểm)

Câu 4: (3 điểm) Đặt tính rồi tính:

a. $372 + 136$	b. $694 - 237$	c. 42×6	d. $90 : 3$

Câu 5: (1 điểm) Tìm x

a) $x - 120 = 85$

b) $28 : x = 7$

Câu 6: (2,5 điểm) Một quyển truyện tranh dày 48 trang. An đã đọc được $\frac{1}{4}$ số trang đó. Hỏi An đã đọc được bao nhiêu trang?

Câu 7: (0,5 điểm) Viết các số có 3 chữ số mà tổng của 3 chữ số đó bằng 3.

ĐỀ SỐ 64

I. Trắc nghiệm

Bài 1 (1 điểm): Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

a, Giá trị của chữ số 3 trong số 538 là:

- A.3 B.30 C.300 D.538

b, 3 chục + 8 chục =

- A. 11 B. 30 C. 80 D. 110

c, 15 chục – 6 chục =

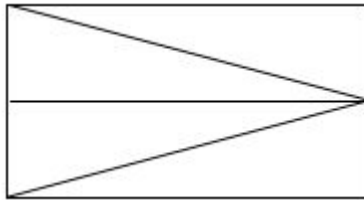
- A. 15 chục B. 6 chục C. 90 D. 9

Bài 2: (0,5 điểm)

Viết các số 567; 765; 657; 665 theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....

Bài 3: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: (1 điểm)



a) Trong hình trên có: Số hình tam giác là:

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

b) Trong hình trên có: Số hình chữ nhật là:

- A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

II. Tự luận

Bài 4: (1 điểm) Tính nhẩm:

$$900 - 300 = \dots\dots\dots$$

$$500 + 200 = \dots\dots\dots$$

$$1000 - 700 = \dots\dots\dots$$

$$600 + 400 = \dots\dots\dots$$

$$35: 5 = \dots\dots\dots$$

$$4 \times 8 = \dots\dots\dots$$

Bài 5: Đặt tính và tính: (2 điểm)

$$474 + 463$$

$$820 + 91$$

$$453 + 152$$

$$784 + 133$$

.....

.....

.....

.....

Bài 6: (2 điểm)a) Tính chu vi tam giác có độ dài các cạnh là 22cm, 46cm, 25cm.

Bài giải

.....

.....

.....
.....
b) Có 36 học sinh xếp thành 4 hàng. Hỏi mỗi hàng có mấy học sinh?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
Bài 7: (1 điểm) Khối lớp hai có 167 học sinh. Khối lớp ba có 127 học sinh. Hỏi cả hai khối có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
Bài 8: (1 điểm)

a/ Đọc các số sau:

205:.....

535:.....

b/ Viết các số sau:

Năm trăm ba mươi:.....

Một trăm hai mươi lăm:.....

Bài 9. Tìm X:

$$400 + X = 200 \times 3$$

$$245 - X = 180$$

.....
.....
Bài 10: (1 điểm)

Tìm 1 số biết rằng số đó cộng với 20 rồi cộng với 55 thì được kết quả là 87

ĐỀ SỐ 65

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2 điểm): Khoanh vào câu trả lời đúng

Câu 1: Số gồm có 9 trăm và 9 đơn vị là số:

A. 909

B. 99

C. 990

D. 999

Câu 2: Bình tính $0: 7 \times 1$ có kết quả là?

A. 7

B. 1

C. 0

D. 10

Câu 3: Số liền trước số 300 là:

A. 200

B. 299

C. 400

D. 301

Câu 4: Số tròn trăm lớn hơn 500 có tất cả:

A. 2 số

B. 5 số

C. 3 số

D. 4 số

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1 (2 điểm): Đặt tính rồi tính

$$701 - 490$$

$$211 + 569$$

$$29 \times 7$$

$$36 : 5$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2 (2 điểm): Tính

$$7 \times 9 + 308 = \dots\dots\dots$$

$$36 : 3 \times 6 = \dots\dots\dots$$

.....

Bài 3 (1 điểm): Tìm X:

a; $X : 7 = 14$

b; $X \times 6 = 36$

Bài 4 : (2 điểm) Khối lớp Ba có 250 học sinh. Khối lớp Hai có 225 học sinh. Hỏi Khối lớp Ba có nhiều hơn Khối lớp Hai bao nhiêu học sinh?

.....

.....

.....

Bài 5 (1 điểm): Tính hiệu, biết số bị trừ là số lớn nhất có ba chữ số và số trừ là 900.

.....

.....

.....